

BẢN TIN

Tự do hóa **thương mại** Doanh nghiệp và

Số 35+36 Quý I+II+III/2024

www.trungtamwto.vn

THUẾ BIÊN GIỚI

CARBON

THÁCH THỨC VỚI
XUẤT KHẨU VIỆT NAM



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM





Quý Bạn đọc đang cầm trên tay Bản tin “Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại”, ấn phẩm xuất bản hàng quý của Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Bản tin “Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại” cung cấp các thông tin thời sự cập nhật và các thảo luận chuyên sâu về các sự kiện, câu chuyện hội nhập kinh tế quốc tế, tự do hóa thương mại, đặc biệt là qua các Hiệp định thương mại tự do (FTA) ở Việt Nam và trên thế giới.

Với cách tiếp cận thực tiễn và các phân tích cụ thể từ góc nhìn của doanh nghiệp. Bản tin hy vọng mang tới những thông tin hữu ích cho các doanh nghiệp, góp phần cùng doanh nghiệp chủ động tìm hiểu, chuẩn bị kế hoạch và triển khai hành động, tận dụng hiệu quả các lợi ích từ quá trình tự do hóa thương mại của Việt Nam.



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 35771458
Email: banthuky@trungtamwto.vn
Facebook.com/trungtamwtovahoinhap



MỤC LỤC

Số 35+36
Quý I+II+III/2024



TIN VIỆT NAM

Bức tranh xuất nhập khẩu và đầu tư của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024 05

EU siết chặt kiểm soát đối với một số nông sản nhập khẩu từ Việt Nam 16

Xuất khẩu trái cây sang Trung Quốc: Vừa mừng lại vừa lo 18

Quy định về Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất có hiệu lực 21

Anh gia nhập CPTPP – Thêm một con đường ưu tiên đến thị trường Anh 22

Hoa Kỳ chưa công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường 24

Chùm tin về việc nâng cấp, sửa đổi các FTA hiện hành 25

Tổng hợp diễn tiến phòng vệ thương mại trong 6 tháng đầu năm 2024 28



TIN QUỐC TẾ

Diễn tiến các điểm nóng căng thẳng thương mại 35

- Hoa Kỳ - Trung Quốc: Cuộc chiến công nghệ tiếp tục leo thang
- EU - Trung Quốc: Cuộc chiến xe điện đã chính thức khai hỏa?

Ảnh hưởng kinh tế từ chiến sự Ukraine và Gaza 39

Thái Lan đẩy mạnh đàm phán, ký kết nhiều FTA mới 42

Ấn Độ và EFTA chính thức ký kết FTA 43

Thúc đẩy việc triển khai các trụ cột trong IPEF 44

Gia tăng sức hút khối BRICS 46

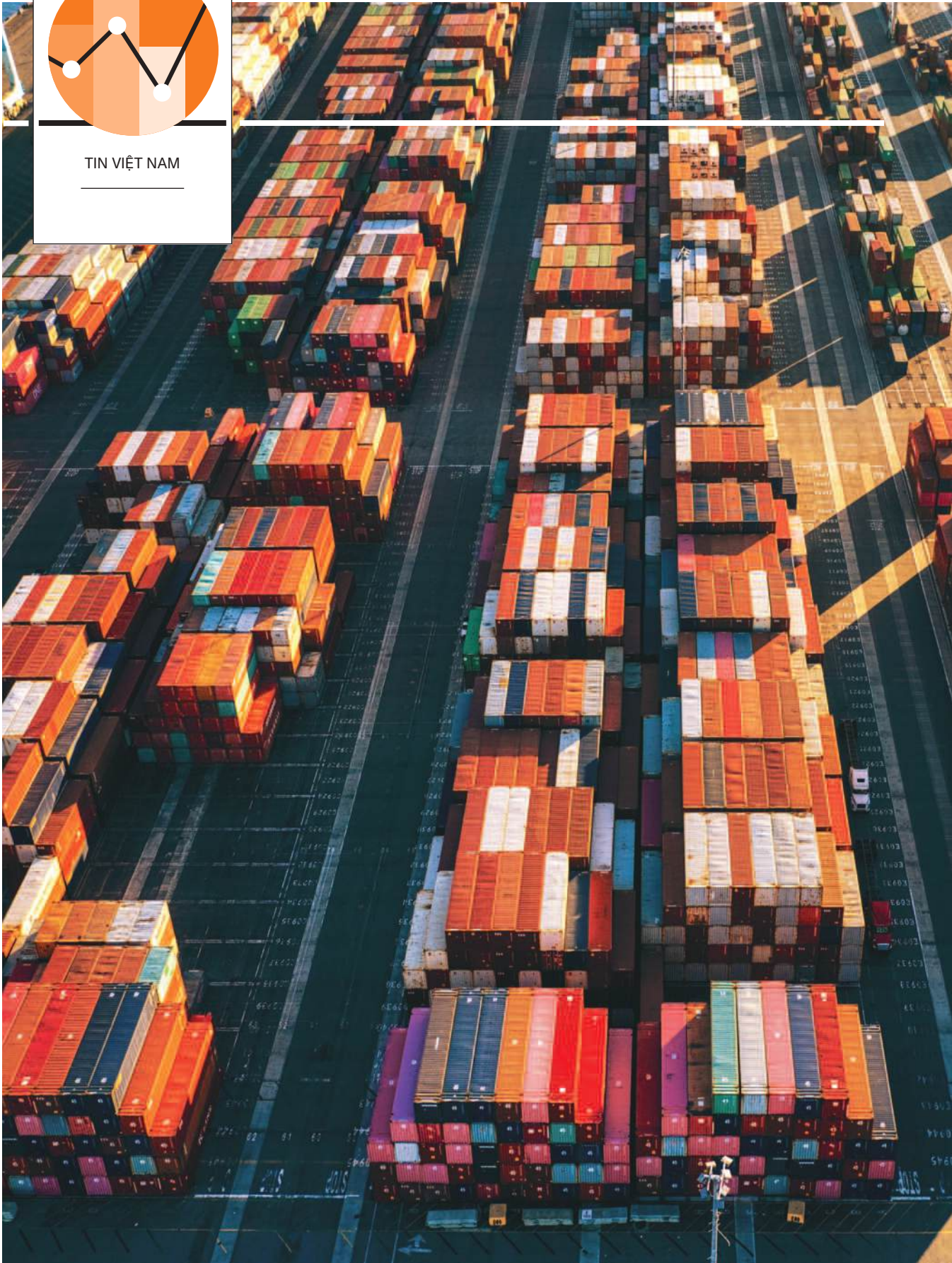


CHUYÊN ĐỀ

THUẾ BIÊN GIỚI CARBON THÁCH THỨC ĐỐI VỚI XUẤT KHẨU VIỆT NAM



TIN VIỆT NAM





Bức tranh xuất nhập khẩu và đầu tư của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024

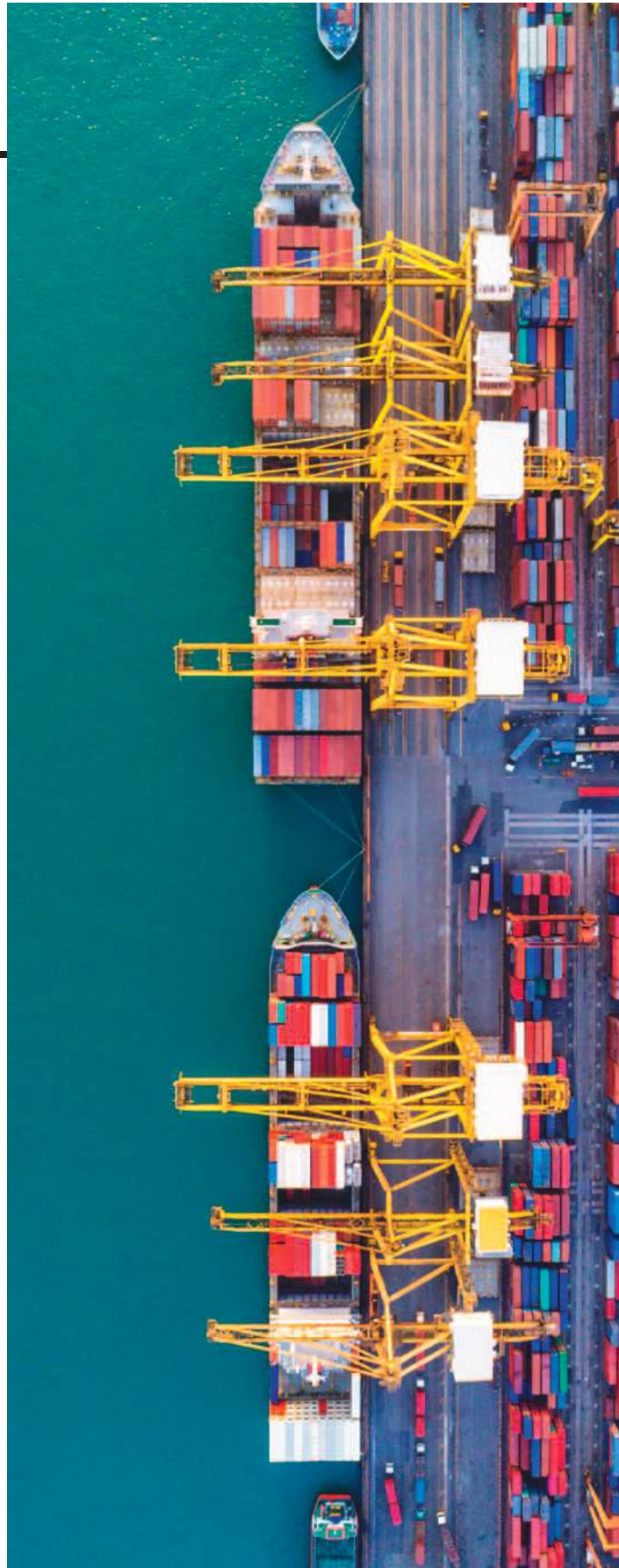


Về bức tranh xuất nhập khẩu Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024

Tình hình xuất nhập khẩu chung

Trong nửa đầu năm 2024, xuất nhập khẩu của Việt Nam đã có sự phục hồi và tăng trưởng trở lại sau năm 2023 đầy khó khăn. Cụ thể, theo Tổng cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 368,53 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 190,08 tỷ USD (tăng 14,5%) và nhập khẩu đạt 178,45 tỷ USD (tăng 17% so với cùng kỳ năm trước). Với kết quả này, cán cân thương mại của Việt Nam tiếp tục ghi nhận trạng thái thặng dư với giá trị xuất siêu đạt 11,6 tỷ USD, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 24 tỷ USD, còn khu vực kinh tế trong nước lại nhập siêu 12,4 tỷ USD.

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục giữ vai trò chủ chốt trong các hoạt động thương mại của Việt Nam với xuất khẩu đạt 136,69 tỷ USD, chiếm 71,9% tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đạt 112,71 tỷ USD, chiếm 63,2% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước.





Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu

368,53 TỶ USD

XUẤT KHẨU

190,08 TỶ USD

▲ **14,5%** (cùng kỳ năm trước)

NHẬP KHẨU

178,45 TỶ USD

▲ **17%** (cùng kỳ năm trước)

Cán cân thương mại
11,63 TỶ USD

Tỷ lệ Xuất khẩu theo loại hình vốn doanh nghiệp

136,69 TỶ USD

▲ **12,3%** (cùng kỳ năm trước)

53,39 TỶ USD

▲ **20,6%** (cùng kỳ năm trước)

Tỷ lệ Nhập khẩu theo loại hình vốn doanh nghiệp

112,71 TỶ USD

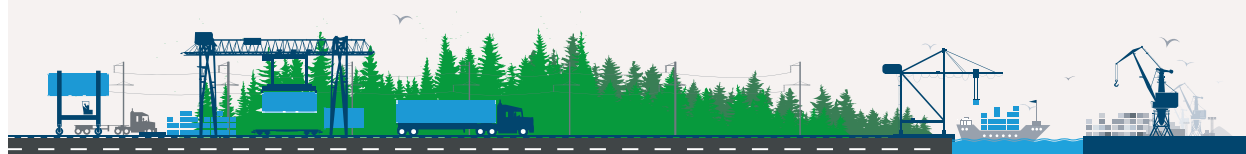
▲ **14,1%** (cùng kỳ năm trước)

65,74 TỶ USD

▲ **22,3%** (cùng kỳ năm trước)

■ DN có vốn ĐTNN

■ DN 100% vốn trong nước



Nguồn: Tổng cục Thống kê



Tình hình xuất nhập khẩu theo mặt hàng

Về xuất khẩu, sự phục hồi của các thị trường xuất khẩu với lượng đơn hàng gia tăng đã đóng góp tích cực vào kết quả xuất khẩu của Việt Nam trong nửa đầu năm 2024. Tốp 10 sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đều ghi nhận tăng so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó 6/10 mặt hàng có mức tăng trưởng ấn tượng trên 2 chữ số, ví dụ như máy ảnh, máy quay phim tăng 52,9%, điện tử, máy tính tăng 28,6% hay gỗ và sản phẩm gỗ tăng 22,2%...

Trong 6 tháng đầu năm 2024, có 29 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD (chiếm 91,4% tổng kim ngạch xuất khẩu), trong đó có 5 mặt hàng xuất khẩu có giá trị trên 10 tỷ USD (chiếm 58% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước).

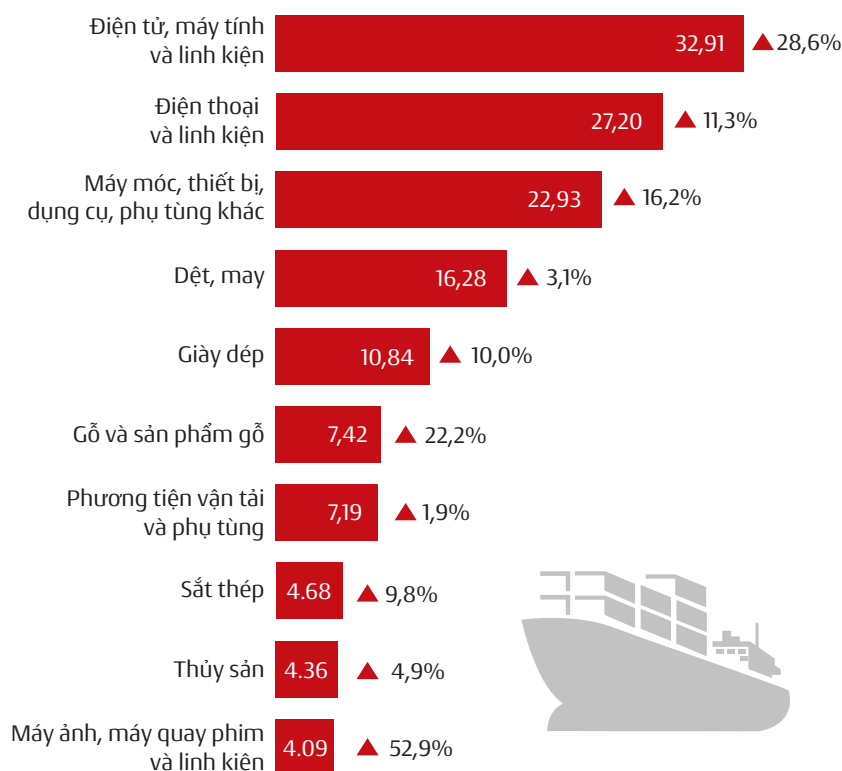
Các sản phẩm điện tử, điện thoại và máy móc tiếp tục là các mặt hàng xuất khẩu nhiều nhất của Việt Nam với tổng kim ngạch xuất khẩu 03 nhóm hàng này chiếm đến 43,7% tổng xuất khẩu của cả nước.

So với tình hình không mấy khả quan năm 2023, xuất khẩu nhiều mặt hàng của Việt Nam trong nửa đầu năm 2024 đã phục hồi và bật tăng trở lại (điện tử, linh kiện; máy móc, phụ tùng...). Mức tăng xuất khẩu trong nửa đầu 2024 của một số mặt hàng như điện thoại, linh kiện; dệt may, giày dép, thủy sản... mặc dù chưa đủ bù đắp sự sụt giảm trong

kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2023, nhưng vẫn đem đến tín hiệu tích cực vào sự phục hồi và tăng trưởng trở lại trong tương lai.

Tốp 10 sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024

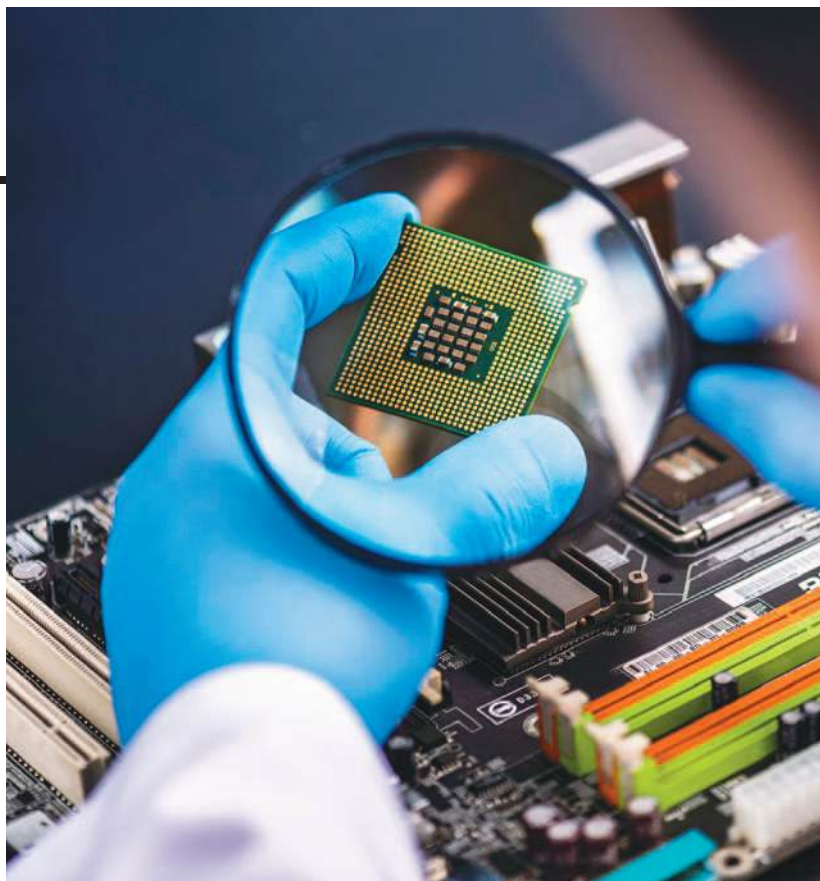
(Đơn vị: tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

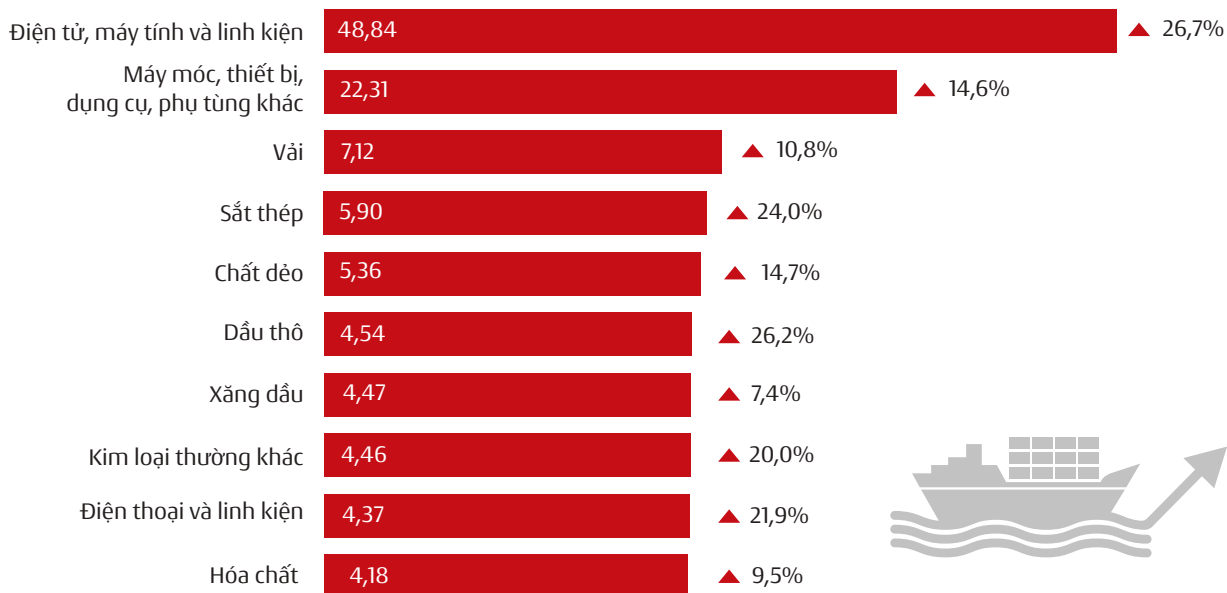
Về nhập khẩu, tất cả các sản phẩm nhập khẩu trong Tốp 10 của Việt Nam đều tăng so với cùng kỳ năm 2023, trong đó có đến 8/10 sản phẩm có mức tăng 2 chữ số.

Điện tử, máy tính và máy móc, phụ tùng là 02 sản phẩm nhập khẩu nhiều nhất của Việt Nam (chiếm đến 40% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước), đồng thời cũng là 02 nhóm hàng có sự phục hồi nhanh chóng và đã bật tăng trở lại trong nửa đầu năm 2024, lần lượt tăng 26,7% và 14,6% (cao hơn mức giảm 11,4% và 12,3% trong 6 tháng đầu năm 2023).



Tốp 10 sản phẩm nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024

(Đơn vị: tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Thống kê



Tình hình xuất nhập khẩu theo thị trường

Trong 6 tháng đầu năm 2024, trao đổi thương mại giữa Việt Nam với 06 đối tác lớn nhất là Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, ASEAN, Hàn Quốc, Nhật Bản đã có sự phục hồi, với kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng so với cùng kỳ năm 2023.

Về xuất khẩu, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong nửa đầu năm 2024, chiếm 28,6% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước với giá trị xuất khẩu đạt 54,3 tỷ USD, tăng 22,1% so với cùng kỳ năm trước. Cán cân thương mại của Việt Nam với Hoa Kỳ vẫn duy trì trạng thái thặng dư với giá trị xuất siêu đạt 47,2 tỷ USD (trong đó kim ngạch xuất khẩu gấp gần 8 lần kim ngạch nhập khẩu). Sau Hoa Kỳ, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2024 đạt 27,8 tỷ USD, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước.

Về nhập khẩu, Trung Quốc vẫn duy trì là nguồn cung hàng hóa lớn nhất của Việt Nam, với kim ngạch nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm đạt 67 tỷ USD, chiếm 37,5% tổng nhập khẩu của cả nước. Đáng chú ý, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc trong nửa đầu năm 2024 đã bật tăng ngoạn mục, tăng 34,7% so với cùng



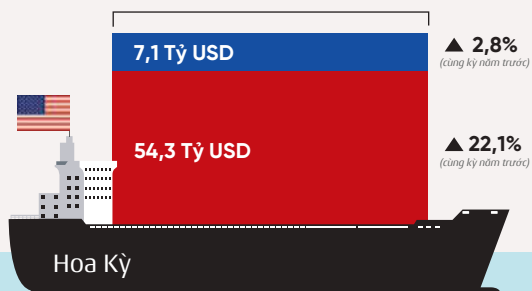
kỳ năm trước (trong so sánh với mức giảm 18,7% của 6 tháng đầu năm 2023). Trung Quốc cũng là nguồn nhập siêu lớn nhất của Việt Nam, với mức thâm hụt thương mại hơn 39 tỷ USD (trong đó kim ngạch nhập khẩu gấp 2,4 lần xuất khẩu).

Sau Trung Quốc, Hàn Quốc là thị trường nhập khẩu hàng hóa lớn thứ

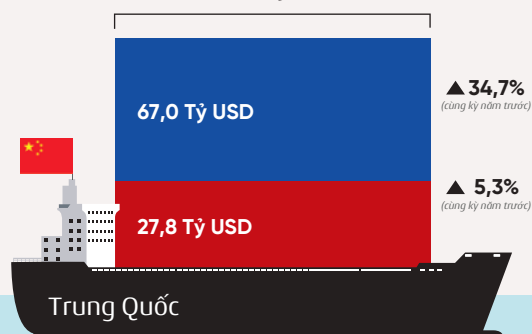
hai của Việt Nam với giá trị nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2024 đạt 26,2 tỷ USD, chiếm 14,7% tổng nhập khẩu của cả nước. Như vậy, chỉ riêng hai thị trường Trung Quốc và Hàn Quốc đã chiếm hơn phân nửa kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Ngoài ra, Hàn Quốc cũng là quốc gia mà Việt Nam nhập siêu lớn với mức nhập siêu lên đến 14 tỷ USD.



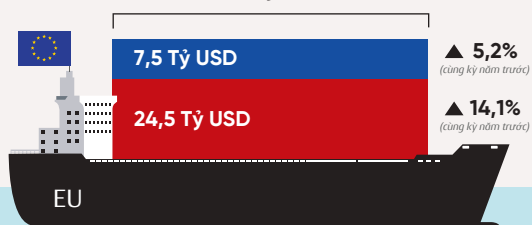
Kim ngạch xuất nhập khẩu với một số thị trường trọng điểm của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024

Cán cân thương mại
47,2 Tỷ USD

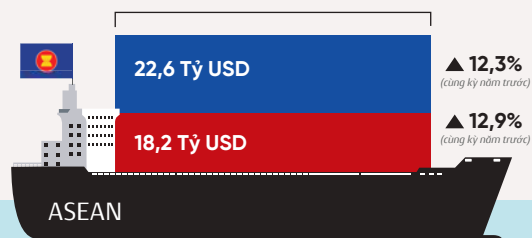
Hoa Kỳ

Cán cân thương mại
-39,2 Tỷ USD

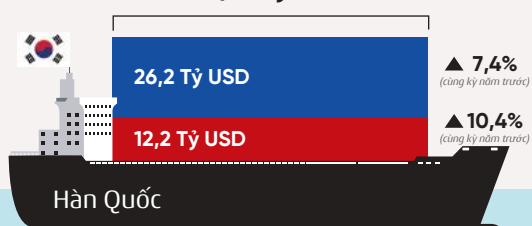
Trung Quốc

Cán cân thương mại
17,0 Tỷ USD

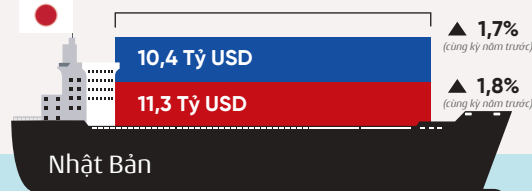
EU

Cán cân thương mại
-4,4 Tỷ USD

ASEAN

Cán cân thương mại
-14,0 Tỷ USD

Hàn Quốc

Cán cân thương mại
0,9 Tỷ USD

Nhật Bản

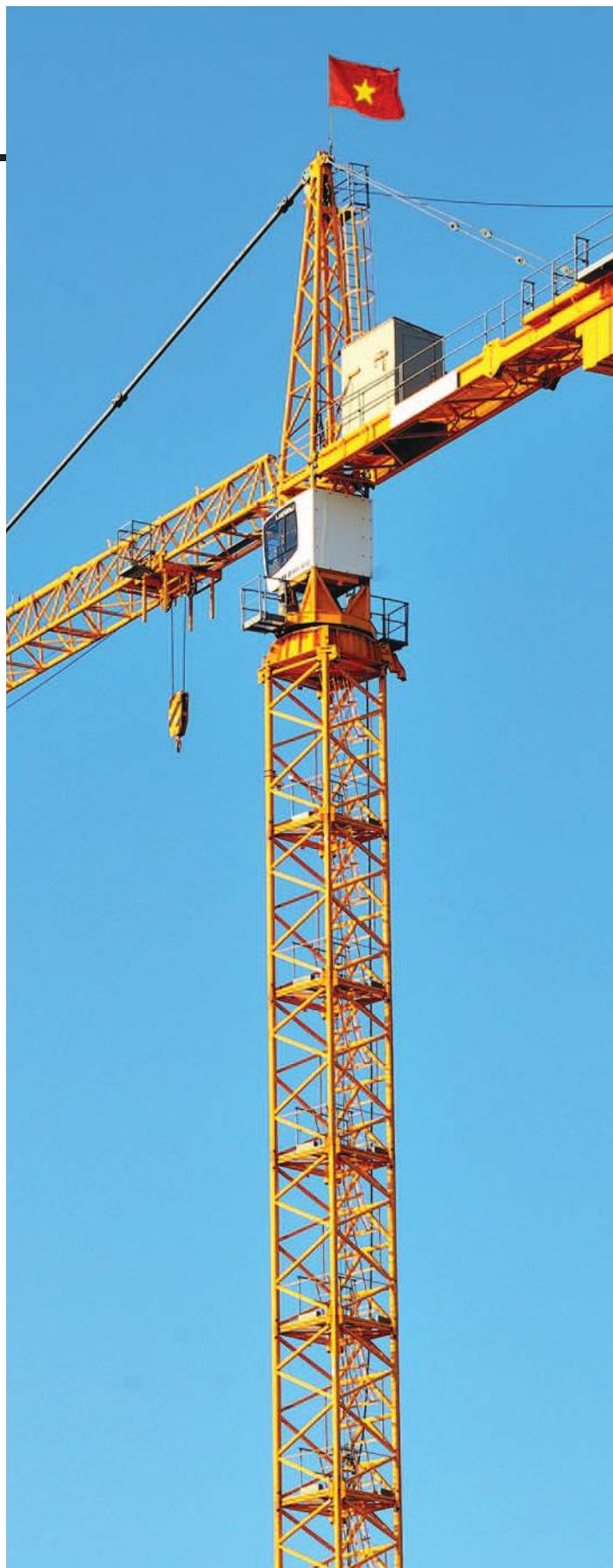
■ VN XK 6 tháng đầu năm 2024

■ VN NK 6 tháng đầu năm 2024

Nguồn: Tổng cục Thống kê



Về bức tranh thu hút đầu tư nước ngoài 6 tháng đầu năm 2024





Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài chung

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024 đạt 15,19 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm 2023.

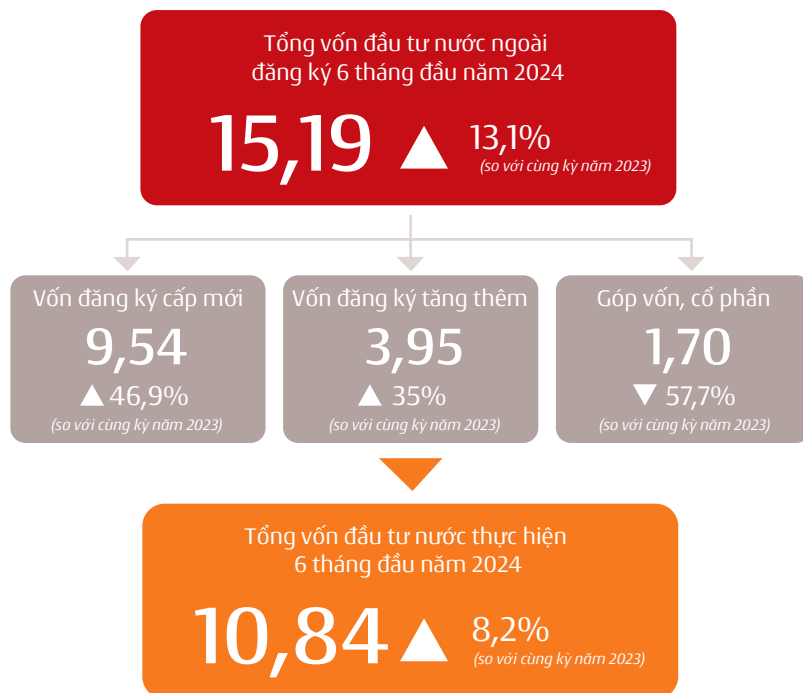
Bước sang năm 2024, Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài với vốn đầu tư đăng ký mới và vốn điều chỉnh tăng thêm đều đạt mức tăng trưởng ấn tượng. Cụ thể, tổng vốn đăng ký cấp mới tại Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024 đạt 9,54 tỷ USD, tăng 46,9% so với cùng kỳ năm trước; phần vốn điều chỉnh/tăng thêm tăng 35%, đạt 3,95 tỷ USD. Tuy nhiên, đầu tư gián tiếp qua hình thức góp vốn, mua cổ phần trong 6 tháng đầu năm lại giảm mạnh 57,7% so với cùng kỳ năm trước, chỉ đạt 1,7 tỷ USD.

Trong số các ngành kinh tế nhận đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt 10,7 tỷ USD, tăng 26,3% so với cùng kỳ năm trước và chiếm đến 70,4% tổng vốn đăng ký của cả nước (tỷ trọng đầu tư vào ngành này cũng tăng đáng kể so với mức 63% nửa đầu năm 2023). Sự dịch chuyển của các dòng đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực công nghệ cao, sản xuất chất bán dẫn... tại Việt Nam đã đóng góp tích cực vào kết quả đầu tư này.

Về mức vốn giải ngân thực tế, trong 6 tháng đầu năm 2024, tổng vốn đầu tư nước ngoài thực hiện đạt 10,84 tỷ USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2023. Đây là một tín hiệu rất tích cực, cho thấy sự tin tưởng của các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư kinh doanh tại Việt Nam, bất chấp việc dòng đầu tư toàn cầu vẫn chưa thực sự phục hồi sau đại dịch và những biến động địa chính trị trên thế giới.

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024

(Đơn vị: tỷ USD)



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư



Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài theo địa phương

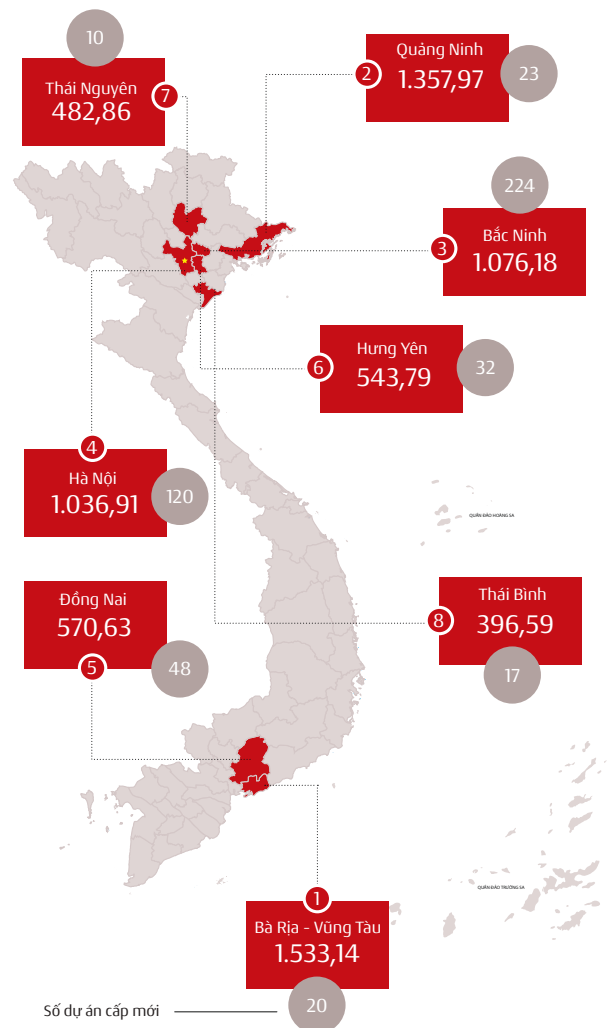
Trong 6 tháng đầu năm 2024, Bà Rịa Vũng Tàu là địa phương dẫn đầu cả nước về số vốn đầu tư đăng ký mới với 1,53 tỷ USD cho 20 dự án, chiếm 16% tổng số vốn FDI đăng ký mới của cả nước. Trong đó, Dự án nhà máy sản xuất sợi sinh học BDO (Hàn Quốc) tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 2 (tổng vốn đầu tư 730 triệu USD) là dự án đầu tư mới nổi bật nhất tại địa phương này.

Sau Bà Rịa Vũng Tàu, Quảng Ninh là tỉnh thành có số vốn đăng ký mới lớn thứ 2 cả nước với tổng vốn đăng ký cấp mới đạt 1,36 tỷ USD cho 23 dự án đầu tư mới. Một số dự án đầu tư lớn tại Quảng Ninh trong 6 tháng đầu năm 2024 có thể kể đến là Dự án tấm silic đơn tinh thể và thanh silic đơn tinh thể quang điện Gokin Solar Hải Hà Việt Nam (Hong Kong (Trung Quốc), Trung Quốc) với tổng mức đầu tư 275 triệu USD, Dự án sản xuất vòng bi, thiết bị chuyển động tuyến tính của IKO Thompson Việt Nam (Nhật Bản) tại Khu công nghiệp Sông Khoai...

Thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy vốn đầu tư vẫn tập trung vào các tỉnh, thành phố có nhiều lợi thế trong thu hút FDI như Bắc Ninh, Bà Rịa Vũng Tàu, Quảng Ninh, Hải Phòng... tuy nhiên đã có sự phân bổ đa dạng hơn về nhiều địa phương khác nhau trong cả nước. Trong топ các địa phương có số vốn đầu tư đăng ký mới cao, tiếp tục xuất hiện thêm nhiều cái tên mới như Đồng Nai, Thái Nguyên...

Tốp 8 địa phương có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024

(Đơn vị: tỷ USD)

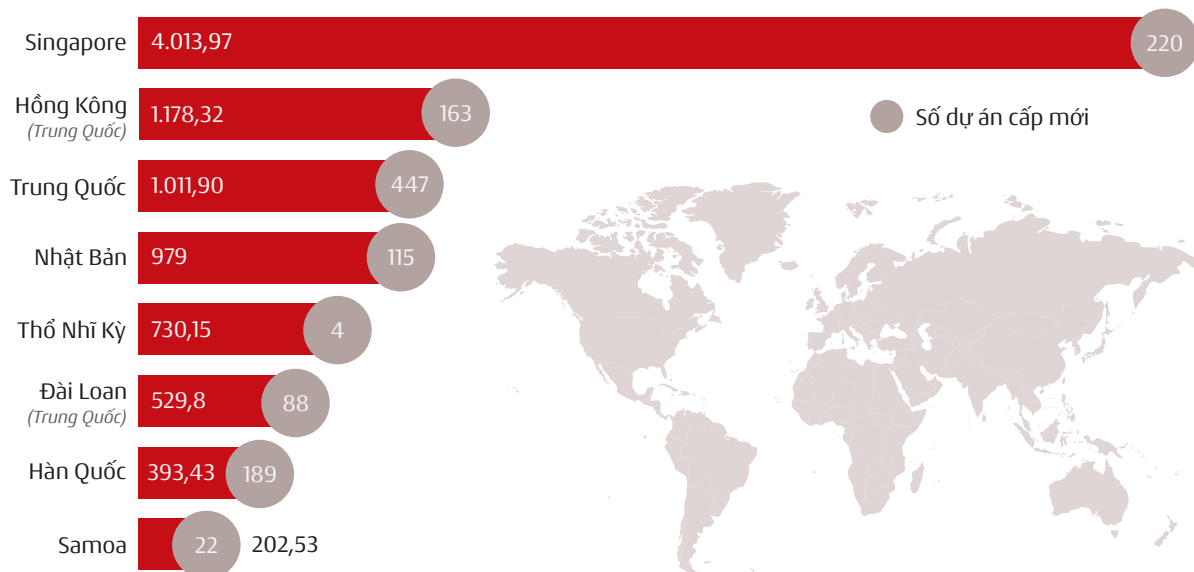


Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư



Tốp 8 đối tác có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024

(Đơn vị: triệu USD)



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài theo nguồn đầu tư

Tương tự với thông lệ nhiều năm nay, trong nửa đầu năm 2024, các nguồn đầu tư lớn nhất vào Việt Nam vẫn đến từ các nhà đầu tư châu Á như Singapore, Hồng Kông (Trung Quốc), Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc), Hàn Quốc. Riêng 06 nguồn này đã chiếm tới 84,5% tổng vốn đăng ký cấp mới của cả nước.

Singapore tiếp tục là quốc gia có số vốn đăng ký cấp mới nhiều nhất tại Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024 với tổng giá trị trên 4 tỷ USD cho 220 dự án mới, chiếm tới 42% tổng vốn đăng ký cấp mới của cả nước. Sau Singapore, Hồng Kông (Trung Quốc) và Trung Quốc là 02 đối tác đầu

tư lớn thứ 2 và thứ 3 vào Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024 với tổng vốn đăng ký cấp mới lần lượt là 1,18 tỷ USD cho 163 dự án và 1,01 tỷ USD cho 447 dự án đầu tư mới.

Đáng chú ý, Thổ Nhĩ Kỳ lần đầu góp mặt trong danh sách nguồn đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam, xếp vị trí thứ 5 với 730 triệu USD cho 4 dự án đầu tư mới. Đây được xem là bước tiến mới trong quan hệ đầu tư giữa Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ khi chỉ tính riêng vốn đăng ký mới nửa đầu năm 2024 đã tương đương 42% tổng vốn đầu tư lũy kế (tổng các dự án còn hiệu lực) của Thổ Nhĩ Kỳ tại Việt Nam tính đến thời điểm hiện tại. ■



EU siết chặt kiểm soát đối với một số nông sản nhập khẩu từ Việt Nam

Trong nửa đầu năm 2024, EU đã có 02 lần điều chỉnh cơ chế áp dụng tạm thời các biện pháp kiểm soát chính thức và khẩn cấp (temporary increase of official controls and emergency measures) đối với nông sản, thực phẩm nhập khẩu vào EU (từ tất cả các nguồn), trong đó có nhiều thay đổi theo hướng siết chặt kiểm soát nhập khẩu đối với một số loại nông sản từ Việt Nam, gồm ớt, thanh long, sầu riêng.

Cụ thể, ngày 16/01/2024, EU đã ban hành Quy định số 2024/284 sửa đổi Quy định số 2019/1973 về cơ chế áp dụng các biện pháp kiểm soát thực phẩm nhập khẩu. Tại quy định sửa đổi này, EU đã thêm sầu riêng của Việt Nam vào danh sách các mặt hàng chịu sự kiểm tra tại cửa khẩu EU với tần suất kiểm tra thực tế là 10%. Theo thống kê từ Hệ thống cảnh báo nhanh về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi của EU (RASFF), riêng trong năm 2023, sầu riêng Việt Nam liên tục nhận 03 cảnh báo về mức dư lượng thuốc trừ sâu vượt mức cho phép khi xuất khẩu sang thị trường này. Do đó, việc tăng cường kiểm soát đối với sầu riêng nhập khẩu của Việt Nam

vào EU được xem là hành động cần thiết để ngăn chặn những rủi ro đối với sức khỏe người tiêu dùng.

Ngày 11/06/2024, EU tiếp tục ban hành quy định sửa đổi lần thứ 2 trong năm 2024 đối với cơ chế này (Quy định số 2024/1662), với nhiều thay đổi đáng kể trong việc áp dụng các biện pháp kiểm soát đối với một số nông sản nhập khẩu từ Việt Nam. Trong đó, EU gia tăng kiểm soát nhập khẩu đối với ớt của Việt Nam, yêu cầu sản phẩm này phải có thêm chứng thư (official certificate) kiểm soát thuốc bảo vệ thực vật do phía Việt Nam cấp, trong khi vẫn duy trì tần suất kiểm tra (50%) tại cửa khẩu EU đối với ớt của Việt Nam như trước. Thêm vào đó, EU cũng gia tăng tần suất kiểm tra thực tế đối với thanh long Việt Nam từ 20% lên mức 30% theo quy định sửa đổi này.

Tin mừng là bên cạnh việc thắt chặt các biện pháp kiểm soát nhập khẩu đối với ớt, thanh long, sầu riêng, EU đã quyết định loại bỏ mỳ ăn liền của Việt Nam ra khỏi danh sách các mặt hàng chịu sự kiểm soát khẩn cấp tại biên giới từ ngày 2/7/2024.



Để có thể tiếp tục xuất khẩu sang thị trường EU cũng như làm giảm tần suất/được loại bỏ khỏi danh sách kiểm soát nhập khẩu, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông sản, thực phẩm của Việt Nam được khuyến nghị cần tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm, theo dõi và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nhập khẩu từ phía thị trường này. ■



Danh sách các sản phẩm Việt Nam bị biện pháp kiểm soát chính thức và khẩn cấp tại EU nửa đầu năm 2024

Sản phẩm thuộc Phụ lục I – Cơ chế kiểm soát tăng cường cấp độ 1

(chỉ chịu kiểm soát thực tế tại cửa khẩu EU)

Tên sản phẩm	Rủi ro bị kiểm soát	Tần suất kiểm tra thực tế tại cửa khẩu
Sầu riêng tươi hoặc ướp lạnh	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	10%

Sản phẩm thuộc Phụ lục II – Cơ chế kiểm soát tăng cường cấp độ 2

(phải có chứng thư kiểm soát trước khi xuất khẩu và chịu kiểm soát thực tế tại cửa khẩu EU)

Tên sản phẩm	Rủi ro bị kiểm soát	Tần suất kiểm tra thực tế tại cửa khẩu
Đậu bắp tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	50%
Thanh long tươi hoặc ướp lạnh	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	30%
Ớt thuộc chi Capsicum (trừ ớt ngọt), tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	50%

Nguồn: Quy định số 2019/1793 (sửa đổi bởi Quy định số 2024/1662) của EU



Xuất khẩu trái cây sang Trung Quốc: Vừa mừng lại vừa lo

Triển vọng xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang Trung Quốc

Bên cạnh rau quả, nông sản nói chung của Việt Nam cũng đang đứng trước những cơ hội mới ở thị trường Trung Quốc. Đầu năm 2024, Trung Quốc đã đồng ý xem xét xóa bỏ lệnh cấm nhập khẩu gia cầm từ Việt Nam. Ngoài ra, hai nước cũng đang tích cực thảo luận về các Nghị định thư xuất khẩu ốt, tổ yến thô và thủy sản khai thác tự nhiên của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc. Gần đây nhất, ngày 19/8/2024, Trung Quốc và Việt Nam cũng đã chính thức ký kết Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch đối với cá sấu nuôi xuất khẩu của Việt Nam, tạo điều kiện thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm từ cá sấu (thịt, da...) của Việt Nam sang Trung Quốc.

Đáng chú ý, Việt Nam và Trung Quốc đang thúc đẩy hợp tác phát triển thị trường giao dịch hàng hóa giữa hai nước. Trong năm 2024, Sở giao dịch hàng hóa Việt Nam (MXV) dự kiến sẽ hoàn thành việc liên thông giao dịch với các Sở giao dịch tại Trung Quốc (Sở Giao dịch Hàng hóa Đại Liên (DCE), Sở Giao dịch Kỳ hạn Thượng Hải (SHFE), Sở Giao dịch Vàng Thượng Hải (SGE)...), tiến tới mục tiêu niêm yết chéo sản phẩm giữa các Sở. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu hàng hóa nói chung và xuất khẩu nông sản của Việt Nam nói riêng sang Trung Quốc, theo hướng bền vững và an toàn hơn với các cơ chế quản lý giao dịch, quản lý rủi ro, bù trừ giao dịch hay bảo hiểm giá...

Trung Quốc vẫn được biết đến là thị trường xuất khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam, chiếm 65% tổng xuất khẩu của cả nước (Số liệu của Tổng cục Hải quan năm 2023). Trong hơn một năm trở lại đây, việc Trung Quốc mở cửa trở lại sau COVID-19 và chấp thuận cấp phép xuất khẩu chính ngạch cho nhiều loại trái cây của Việt Nam đã đem đến những kết quả xuất khẩu rất tích cực đối với ngành rau quả. Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc ghi nhận mức tăng kỷ lục 139%, chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu rau quả sang thị trường này cũng đã đạt 2,16 tỷ USD, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước (Tổng cục Hải quan, 2024). Trong thời gian tới, xuất khẩu rau quả sang thị trường này được cho là vẫn còn nhiều dư địa tăng trưởng, nhưng cũng được dự báo là phải đối mặt với nhiều rủi ro.

CƠ HỘI XUẤT KHẨU MỞ RỘNG VỚI NHIỀU HƠN CÁC SẢN PHẨM

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian sắp tới khi hai nước đang thúc đẩy việc đàm phán và ký kết các Nghị định thư cho phép xuất khẩu nhiều mặt hàng trái cây (sầu riêng đông lạnh, dưa tươi, chanh leo, bơ).

Trong nửa đầu năm 2024, Việt Nam và Trung Quốc đã hoàn tất việc đàm phán kỹ thuật để đi đến ký kết Nghị định thư xuất khẩu sầu riêng đông lạnh và dưa tươi của Việt Nam sang Trung Quốc. Đến ngày 19/8/2024, hai nước đã chính thức ký kết hai Nghị định thư này, mở đường cho việc xuất

khẩu sầu riêng đông lạnh và dưa tươi của Việt Nam sang thị trường tỷ dân.

Trước đó vào cuối tháng 12/2023, Việt Nam và Trung Quốc đã ký kết Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với dưa hấu tươi của Việt Nam, đưa dưa hấu trở thành mặt hàng nông sản thứ 6 (bên cạnh măng cụt, thạch đen, sầu riêng tươi, chuối, khoai lang) được xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc theo hình thức Nghị định thư này.

Cụ thể, dưa hấu của Việt Nam sẽ được phép nhập khẩu qua tất cả các cửa khẩu được Hải quan Trung Quốc cho phép nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo Nghị định thư, ví dụ không nhiễm 5 đối tượng kiểm dịch thực vật còn sống (các loại ruồi đục quả *Bactrocera correcta*, *Bactrocera zonata*, *Bactrocera latifrons*, rệp *Phenacoccus solenopsi* và vi khuẩn *Acidovorax avenae* subsp. *Citrullii*), không lẫn lá hoặc đất, tất cả vùng trồng và cơ sở đóng

gói dưa hấu xuất khẩu sang Trung Quốc phải đăng ký và được cả Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục Hải quan Trung Quốc phê duyệt... Nghị định thư này chính thức có hiệu lực từ ngày 12/6/2024.

Trên thực tế, dưa hấu Việt Nam đã được phép xuất khẩu qua các cửa khẩu chính thức sang Trung Quốc từ năm 2009, tuy nhiên hoạt động xuất khẩu mặt hàng này sang Trung Quốc trong thời gian qua đối mặt với nhiều rủi ro do chưa chuẩn hóa được các quy định/yêu cầu xuất nhập khẩu giữa hai nước. Việc xác định rõ các yêu cầu nhập khẩu từ phía Trung Quốc trong Nghị định thư giúp dưa hấu tươi của Việt Nam có thể được xuất khẩu theo một khung khổ ổn định về các quy định và tiêu chuẩn liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật của Trung Quốc, từ đó tạo điều kiện thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm dưa hấu tươi sang thị trường tỷ dân này.



Ngoài 06 loại trái cây kể trên, Trung Quốc cũng đang thúc đẩy việc đàm phán, ký kết Nghị định thư để mở cửa thị trường chính ngạch cho trái bơ và chanh leo của Việt Nam.

NHIỀU LÔ HÀNG XUẤT KHẨU BỊ CẢNH BÁO

Dù con đường xuất khẩu rau quả từ Việt Nam đang ngày càng rộng mở, vẫn còn rất nhiều lo ngại về khả năng xuất khẩu bền vững sang thị trường Trung Quốc khi nước này liên tiếp đưa ra cảnh báo về việc vi phạm các quy định kiểm dịch, an toàn thực phẩm đối với nhiều lô trái cây nhập khẩu từ Việt Nam.

Cuối tháng 3/2024, Trung Quốc đã đưa ra cảnh báo về việc 30 lô sầu riêng xuất khẩu của Việt Nam bị nhiễm kim loại nặng (cadmium) vượt mức cho phép. Đến tháng 6/2024, nước này lại tiếp tục gửi thông báo về việc 77 lô sầu riêng nhập khẩu từ Việt Nam vi phạm quy định an toàn thực phẩm với lý do tương tự. Cũng trong thông báo này, phía Trung Quốc đã ra quyết định cấm nhập khẩu sầu riêng từ 18 vùng trồng và 15 cơ sở đóng gói của Việt Nam từ ngày 12/6/2024.

Với việc liên tiếp xác định các lô hàng xuất khẩu có mức tồn dư hàm lượng kim loại nặng vượt quá tiêu chuẩn cho phép, Hải quan Trung Quốc cũng đã yêu cầu phía Việt Nam tìm hiểu nguyên nhân sai phạm, thực hiện các biện pháp khắc phục/xử lý, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát để ngăn chặn việc tái diễn tình trạng này.



Tần suất vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm đang đẩy sâu riêng nói riêng và rau quả của Việt Nam nói chung đứng trước nguy cơ bị gia tăng mức độ giám sát/kiểm tra, thậm chí là bị đình chỉ/tạm ngừng xuất khẩu sang thị trường này nếu tình trạng vi phạm tiếp diễn. Điều này không chỉ trực tiếp tác động đến kết quả xuất khẩu trái cây của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc mà còn ảnh hưởng xấu đến uy tín và hình ảnh của trái cây Việt trong lâu dài ở thị trường đầy tiềm năng này.

Để ngăn chặn tình trạng trên và xuất khẩu rau quả bền vững sang thị trường Trung Quốc, doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu rau quả cần (i) tìm hiểu, cập nhật thường xuyên để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn bắt buộc (đặc biệt là các yêu cầu về mức dư lượng thuốc trừ sâu, hàm lượng kim loại nặng, vi khuẩn...) của Trung Quốc đối với từng loại rau quả; (ii) chủ động kiểm soát chất

lượng trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất (từ nuôi trồng, thu hoạch, bảo quản, chế biến, đóng gói, vận chuyển...). Từ góc độ quản lý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các cơ quan có liên quan cần tăng cường theo dõi, kiểm soát tất cả các vùng trồng, cơ sở đóng gói để chủ động xử lý kịp thời các lô hàng vi phạm trước khi chúng được xuất khẩu, qua đó làm giảm rủi ro cho cả ngành.

Có thể thấy, tiềm năng để xuất khẩu trái cây của Việt Nam sang Trung Quốc ngày càng lớn khi hai nước đang nỗ lực không ngừng trong việc đàm phán mở cửa thị trường cho nhiều loại trái cây của Việt Nam. Tuy nhiên, để tiềm năng này được hiện thực hóa một cách ổn định cần sự cố gắng và nỗ lực lớn từ phía doanh nghiệp trong việc đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật mà phía Trung Quốc đặt ra, qua đó tận dụng tối đa lợi ích từ các “tầm về thông hành” này. ■



Quy định về Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất có hiệu lực

Từ ngày 1/1/2024, các quy định về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) tại Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ đã chính thức có hiệu lực.

Theo quy định này, các nhà sản xuất, nhập khẩu pin, ắc quy, dầu nhớt và bao bì có trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu bắt đầu từ đầu năm 2024. Các nhà sản xuất, nhập khẩu sản phẩm điện, điện tử thực hiện trách nhiệm tái chế từ 1/1/2025, và các nhà sản xuất, nhập khẩu phương tiện giao thông sẽ phải thực hiện trách nhiệm này từ 1/1/2027. Trong trường hợp nhà sản xuất, nhập khẩu không tổ chức tái chế hoặc không có điều kiện thực hiện tái chế... thì sẽ phải đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ việc tái chế, xử lý chất thải. Mức đóng góp tài chính sẽ phụ thuộc vào tỷ lệ tái chế bắt buộc (quy định tại Phụ lục XXII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), lượng sản phẩm/bao bì đưa ra thị trường và định mức chi phí tái chế (đang được xây dựng).

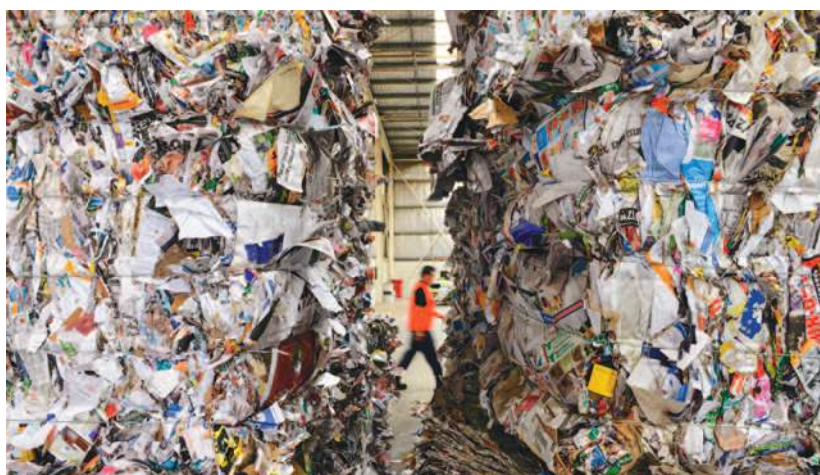
Quy định về EPR đặt ra thách thức về chi phí tuân thủ không hề nhỏ đối với doanh nghiệp liên quan. Tuy vậy, việc tuân thủ EPR cũng tạo ra cơ hội

cho các doanh nghiệp Việt Nam trong việc đáp ứng các yêu cầu/tiêu chuẩn ngày càng cao từ phía đối tác, từ đó đẩy mạnh xuất khẩu, giúp doanh nghiệp tham gia sâu rộng hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Trên bình diện chung, EPR cũng là một bước đi tất yếu trong tiến trình thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh tại Việt Nam, góp phần hiện thực hóa mục tiêu đạt mức phát thải ròng khí nhà kính bằng 0 vào năm 2050.

Để triển khai thực thi các quy định về EPR, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp với các bộ, ngành xây dựng nhiều quy định, thiết chế liên quan như thành lập Hội đồng EPR quốc gia (theo Quyết định số 252/QĐ-

BTNMT ngày 14/2/2023); dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về định mức chi phí tái chế đối với sản phẩm, bao bì; xây dựng Thông tư về Quy chế quản lý, sử dụng đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhập khẩu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam... Hiện tại, Cổng thông tin điện tử EPR quốc gia (tại địa chỉ epr.monre.gov.vn) đã được hoàn thành, và các nhà sản xuất, nhập khẩu thực hiện đăng ký, kê khai, báo cáo trực tuyến trên Cổng này.

Trong thời gian tới, các nhà sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm thuộc diện điều chỉnh cần theo dõi và tìm hiểu cụ thể về các quy định, hướng dẫn liên quan đến EPR để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ liên quan. ■





Anh gia nhập CPTPP – Thêm một con đường ưu tiên đến thị trường Anh

Ngày 16/7/2023, Văn kiện gia nhập Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) của Vương quốc Anh và Bắc Ailen (sau đây gọi chung là Anh) đã chính thức được ký kết tại cuộc họp cấp Bộ trưởng giữa các nước CPTPP và Anh.

ĐỂ CPTPP SỚM CÓ HIỆU LỰC VỚI ANH

Ngay sau khi ký kết, các nước thành viên CPTPP và Anh đã thúc đẩy quá trình phê chuẩn nội bộ để phê chuẩn Văn kiện này nhằm sớm hoàn tất các thủ tục để Hiệp định chính thức có hiệu lực với Anh.



Ngày 16/5/2024, phía Anh đã hoàn tất các thủ tục phê chuẩn việc gia nhập CPTPP.

Ngày 25/6/2024, Quốc hội Việt Nam cũng đã phê chuẩn Văn kiện gia nhập CPTPP của Anh và Việt Nam trở thành một trong những nước đầu tiên phê chuẩn văn kiện này. Trong nhiều năm qua, Anh vốn được biết là một trong những đối tác thương mại và đầu tư quan trọng hàng đầu của Việt Nam, việc đẩy nhanh quá trình phê chuẩn gia nhập Hiệp định của Anh cho thấy nỗ lực, thái độ tích cực của Việt Nam trong việc thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa hai nước.

Trước Việt Nam, đã có 4 nước thành viên CPTPP (gồm Singapore, Nhật Bản, Chile và New Zealand) hoàn tất thủ tục phê chuẩn nội bộ đối với vấn đề này. Các nước thành viên còn lại cũng đang nỗ lực hoàn tất việc phê chuẩn để Văn kiện có thể chính thức được thực thi từ cuối năm nay.

LỢI ÍCH TỪ VIỆC ANH GIA NHẬP CPTPP

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam nói riêng và tất cả các nước thành viên CPTPP nói chung sang Anh được cho là sẽ hưởng lợi đáng kể nhờ cam kết xóa bỏ/cắt giảm thuế quan theo Hiệp định. Trên thực tế, mặc dù Anh đã ký kết và thực thi các FTA song phương với hầu hết các nước thành viên CPTPP (trừ Brunei và Malaysia), trong CPTPP, Anh đưa ra mức mở cửa thị trường tốt hơn so với các FTA hiện có, điều này tạo điều kiện thuận lợi để hàng hóa của các thành viên có thêm con đường ưu tiên để tiếp cận thị trường Anh. Quan trọng hơn, việc Anh gia nhập CPTPP thúc đẩy cơ hội để 12 nước thành viên cùng tham gia vào các chuỗi

cung ứng của nhau, điều này càng đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu đang chịu nhiều tổn thương do những biến động khó lường của chiến tranh, thiên tai, đại dịch...

Với Việt Nam, việc Anh gia nhập CPTPP được nhận định sẽ góp phần thúc đẩy hơn nữa hoạt động trao đổi thương mại giữa hai nước nhờ các cam kết thuế có phần ưu đãi hơn so với UKVFTA - hiệp định thương mại tự do song phương mà Việt Nam và Anh đã thực thi từ năm 2021. Cụ thể, Anh cam kết sẽ xóa bỏ 94,4% số dòng thuế cho Việt Nam ngay khi CPTPP có hiệu lực, đồng thời nhiều mặt hàng có lộ trình xóa bỏ thuế quan nhanh hơn đáng kể trong so sánh với UKVFTA. Ngoài ra, một số sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như gạo, thủy sản... cũng được hưởng mức thuế quan ưu đãi tốt hơn khi tiếp cận thị trường Anh. Ví dụ, gạo xát hạt dài của Việt Nam sẽ được hưởng hạn ngạch thuế quan với khối lượng tăng dần trong tám năm, tăng từ 3.300 tấn/năm trong năm đầu tiên lên mức 17.500 tấn/năm kể từ năm thứ 8 (tức là từ năm 2030 trở đi) – lượng hạn ngạch này cao gấp đôi so với cam kết mà Anh dành cho các nước CPTPP khác. Ngoài ra, cá ngừ của Việt Nam sẽ được xóa bỏ thuế quan (ngay khi Hiệp định có hiệu lực hoặc sau 7 năm) khi xuất khẩu sang Anh, thay vì chỉ được miễn thuế trong hạn ngạch 11.500 tấn/năm theo cam kết của UKVFTA...

Đáng chú ý, sau khi ký Văn kiện gia nhập CPTPP, Vương quốc Anh đã có văn bản chính thức công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường vào ngày 16/7/2023. Đây là động thái mang nhiều ý nghĩa với xuất khẩu của Việt Nam. Từ góc độ kỹ thuật, điều này giúp hàng hóa xuất khẩu

Việt Nam nếu bị điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp ở Anh thì sẽ được hưởng các phương pháp tính toán chuẩn mực và công bằng mà không phải là các giá trị thay thế bất lợi như đối với nền kinh tế phi thị trường. Ở tầm nhìn xa hơn, với tính chất là một trong những nền kinh tế phát triển hàng đầu trên thế giới, việc Anh công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường sẽ là một tiền đề để chúng ta tiếp tục vận động các nước khác (trong đó có Hoa Kỳ) công nhận nền kinh tế thị trường của Việt Nam.

Như vậy, cho đến ngày 16/10/2024, chỉ cần thêm một thành viên CPTPP thông báo hoàn tất thủ tục phê chuẩn thì Văn kiện gia nhập Hiệp định của Anh sẽ có hiệu lực sau 60 ngày đối với các nước đã phê chuẩn (tức ngày 16/12/2024), trong đó có Việt Nam. Để chuẩn bị cho việc triển khai thực thi Hiệp định đối với Vương quốc Anh, Việt Nam trong thời gian tới sẽ tiến hành rà soát, sửa đổi/bổ sung hoặc ban hành mới một số văn bản hướng dẫn thực thi các cam kết của Việt Nam trong CPTPP để áp dụng đối với Vương quốc Anh. ■

Theo quy định, Văn kiện sẽ có hiệu lực theo một trong hai cách sau:

- Sau 60 ngày kể từ khi Anh và tất cả các nước thành viên CPTPP hoàn tất thủ tục phê chuẩn; hoặc
- 60 ngày sau khi Anh và 6 nước CPTPP phê chuẩn Văn kiện gia nhập Hiệp định (trong trường hợp đã qua 15 tháng kể từ ngày Văn kiện được ký kết).



Hoa Kỳ chưa công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường

Sau hơn một năm xem xét, ngày 2/8/2024, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (USDOC) đã đưa ra quyết định về việc tiếp tục phân loại Việt Nam là nền kinh tế phi thị trường. Mặc dù ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực của nền kinh tế Việt Nam trong thời gian qua, Hoa Kỳ vẫn từ chối đề nghị thay đổi tình trạng kinh tế phi thị trường của Việt Nam. Điều này đồng nghĩa với việc hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam nếu bị điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp ở Hoa Kỳ sẽ tiếp tục phải chịu các kết quả bất lợi, không công bằng xuất phát từ việc USDOC sử dụng các giá trị thay thế từ một nước thứ ba thay vì giá các chi phí thực tế của doanh nghiệp trong tính toán biên độ phá giá/trợ cấp.

Thực tế cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều thay đổi và phát triển vượt bậc trong hơn 20 năm qua, điều này cũng đã được làm rõ trong các tài liệu chứng minh mà Việt Nam gửi đến USDOC. Những thay đổi được thể hiện trên cả 06 tiêu chí mà USDOC sẽ cân nhắc khi xem xét công nhận nền kinh tế thị trường của một quốc gia, bao gồm (i) mức độ chuyển đổi của đồng tiền; (ii) vấn đề đàm phán tiền lương, tiền công giữa người lao động và người sử dụng lao động; (iii) mức độ đầu tư nước ngoài vào các hoạt động kinh tế; (iv) vấn đề sở hữu nhà nước, sở

hữu tư nhân; (v) mức độ kiểm soát và (vi) các yếu tố khác.

Trong thời gian tới, Việt Nam sẽ nghiên cứu và phân tích các lập luận mà Hoa Kỳ đưa ra trong Báo cáo kết luận đánh giá nền kinh tế của Việt Nam, từ đó bổ sung và hoàn thiện các lập luận, tài liệu chứng minh để tiếp tục gửi hồ sơ yêu cầu USDOC xem xét quy chế kinh tế thị trường cho Việt Nam. ■



Sau khi Việt Nam và Hoa Kỳ nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện, Việt Nam đã có Đơn yêu cầu Hoa Kỳ rà soát thay đổi hoàn cảnh để xem xét lại vấn đề kinh tế thị trường của Việt Nam trong khuôn khổ Vụ điều tra chống bán phá giá đối với mật ong Việt Nam. Cuối tháng 10/2023, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (USDOC) ra thông báo chính thức khởi xướng rà soát này.

Nhiều tổ chức, doanh nghiệp ở cả Hoa Kỳ và Việt Nam đã đệ trình lên USDOC các bình luận, nêu ý kiến ủng hộ yêu cầu này của Việt Nam.

Đầu tháng 5/2024, USDOC đã tổ chức phiên điều trần liên quan đến xem xét hồ sơ công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam. Đại diện Chính phủ Việt Nam (gồm Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao, Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ) và một số bên liên quan đến vụ việc đã tham gia, trình bày ý kiến tại phiên điều trần này.

Bằng kết luận ngày 2/8/2024 của USDOC, Hoa Kỳ tiếp tục chưa công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường. Việt Nam tiếp tục nằm trong danh sách 12 nước bị Hoa Kỳ coi là nền kinh tế phi thị trường trong các vụ việc PVTM (bên cạnh Trung Quốc, Nga và 9 nước khác, chủ yếu thuộc Liên Xô cũ).

Tính đến tháng 7/2024, đã có 73 nền kinh tế khác nhau trên thế giới công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường, trong đó có nhiều nền kinh tế lớn như Anh, Canada, Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc...



Chùm tin về việc nâng cấp, sửa đổi các FTA hiện hành

KHỞI ĐỘNG ĐÀM PHÁN NÂNG CẤP AITIGA

Trong nửa đầu năm 2024, Ấn Độ và ASEAN đã tổ chức hai cuộc họp (lần thứ 3 và thứ 4) của Ủy ban hỗn hợp về Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ (AITIGA) – đánh dấu sự khởi động của các cuộc đàm phán để đánh giá, nâng cấp Hiệp định đã có hiệu lực từ năm 2010 này.

Trước đó, tại hai cuộc họp đầu tiên diễn ra vào tháng 5 và tháng 8/2023, Ủy ban hỗn hợp mới chỉ hoàn tất Điều khoản tham chiếu cũng như Cơ cấu đàm phán cho các cuộc đàm phán rà soát, nâng cấp Hiệp định.

Trong cuộc họp lần thứ 3 diễn ra vào tháng 2/2024, 3 trong số 8 tiểu ban (được thành lập trực thuộc Ủy ban hỗn hợp để tiến hành đàm phán về các lĩnh vực liên quan đến Hiệp định) đã tiến hành báo cáo về tiến độ và kết quả thảo luận chi tiết liên quan đến tiếp cận thị trường; quy tắc xuất xứ; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp. Sau các phiên thảo luận tích cực tại cuộc họp, Ủy ban hỗn hợp đã vạch ra các lĩnh vực trọng tâm để thảo luận thêm, cập nhật chương trình làm việc, đồng thời cung cấp hướng dẫn cần thiết cho các tiểu ban để tiến hành đàm phán.

Đến tháng 5/2024, cuộc họp lần thứ 4 của Ủy ban hỗn hợp để rà soát AITIGA đã được diễn ra. Đến cuộc họp lần này, đã có thêm 02 tiểu ban về “Vệ sinh và Kiểm dịch” và “Các vấn đề pháp lý và thể chế” báo cáo kết quả thảo luận về các vấn đề liên quan. Ủy ban hỗn hợp sau đó cũng đã đưa ra những hướng dẫn cần thiết cho các Tiểu ban để tiến hành

đàm phán các lĩnh vực này.

ASEAN và Ấn Độ đang rất tích cực trong việc đẩy mạnh quá trình rà soát, đánh giá để tiến hành nâng cấp AITIGA. Cuộc họp lần thứ 5 của Ủy ban hỗn hợp dự kiến sẽ diễn ra vào tháng 7/2024 và cả hai bên đặt mục tiêu sẽ hoàn tất việc rà soát, đàm phán nâng cấp Hiệp định này vào năm 2025.

Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ (AITIGA) được ký kết vào ngày 13/8/2009 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2010. Sau hơn một thập kỷ thực thi, đây là lần đầu tiên các bên tiến hành rà soát để nâng cấp Hiệp định này với mục tiêu giúp Hiệp định trở nên thân thiện, đơn giản hơn, tạo thuận lợi thương mại cho doanh nghiệp cũng như đáp ứng các thách thức trong khu vực và trên thế giới hiện nay.

Là một FTA truyền thống được ký kết trong giai đoạn đầu, nhiều cam kết trong AITIGA có nhiều hạn chế và tạo ra một số khó khăn nhất định đối với doanh nghiệp của các Bên. Ví dụ, liên quan tới vấn đề xuất xứ (là điều kiện để hưởng ưu đãi thuế quan), AITIGA chỉ ghi nhận các quy tắc xuất xứ (QTXX) chung mà không có quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng, điều này hạn chế khả năng tiếp thị trường đối với nhiều mặt hàng khi không đáp ứng QTXX chung. Cũng liên quan tới vấn đề này, AITIGA chỉ ghi nhận về hình thức cấp giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) chung mà không nêu rõ về khả năng áp dụng C/O điện tử, do đó hài quan một số Bên trong AITIGA đã từ chối C/O điện tử mà Bên khác cấp. Doanh nghiệp kỳ vọng rằng những bất cập này sẽ được xem xét thảo luận trong lần rà soát nâng cấp AITIGA này.

Trong gần 15 năm hợp tác, Ấn Độ đã trở thành một trong những đối tác thương mại lớn nhất của ASEAN. Kim ngạch trao đổi thương mại giữa ASEAN và Ấn Độ đã tăng 2,5 lần kể từ khi AITIGA được thực thi, từ 40,1 tỷ USD năm 2009 (thời điểm trước khi AITIGA có hiệu lực) lên đến 101,1 tỷ USD vào năm 2023 (Số liệu của ITC Trademap).



THỰC THI NGHỊ ĐỊNH THƯ THỨ BA SỬA ĐỔI AKFTA

Ngày 22/9/2023, Chính phủ Việt Nam chính thức phê duyệt Nghị định thư thứ ba sửa đổi Hiệp định thương mại tự do ASEAN-Hàn Quốc (AKFTA). Để thực thi Nghị định thư này, Việt Nam đã tiến hành sửa đổi Thông tư về Quy tắc xuất xứ và Nghị định về Biểu thuế ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực thi AKFTA.

Cụ thể, ngày 27/3/2024, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 04/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014 về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong AKFTA. Thông tư mới sửa đổi Điều 4 Phụ lục I (Quy tắc xuất xứ) của Thông tư cũ để bổ sung quyền lựa chọn công thức tính hàm lượng giá trị khu vực (RVC) theo cách tính trực tiếp hoặc gián tiếp cho nhà xuất khẩu/nhà sản xuất để sử dụng cố định trong suốt một năm tài chính và phục vụ xác minh hậu kiểm. Thông tư này cũng sửa đổi khoản 1 Điều 5 Phụ lục V (Thủ tục cấp và kiểm tra C/O) để chính thức công nhận quyền lựa chọn cấp C/O mẫu AK điện tử (ký, đóng dấu và cấp dưới dạng điện tử) hoặc cấp C/O giấy (ký, đóng dấu và

cấp tay) của doanh nghiệp. Thông tư mới có hiệu lực từ ngày 11/5/2024.

Ngày 4/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 81/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 119/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện AKFTA giai đoạn 2022 – 2027. Trong đó, Chính phủ đã ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt và Danh mục hàng hóa áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ngoài hạn ngạch của Việt Nam để thực hiện AKFTA giai đoạn 2023 – 2027. Nghị định có hiệu lực từ ngày 4/7/2024.

HOÀN TẤT KÝ KẾT NGHỊ ĐỊNH THƯ THỨ HAI NÂNG CẤP AANZFTA

Ngày 25/1/2024, các nước ASEAN cùng với Australia và New Zealand đã hoàn tất việc ký Nghị định thư thứ hai sửa đổi Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN – Australia – New Zealand (AANZFTA). Nghị định thư thứ hai sửa đổi, nâng cấp AANZFTA là kết quả của 03 năm đàm phán giữa các nước ASEAN và Australia – New Zealand với mục tiêu duy trì tính cạnh tranh, nâng cao chất lượng và đảm bảo tính hiện đại của Hiệp định.

Với lần sửa đổi Hiệp định này, các nước thành viên không chỉ tiến hành sửa đổi, nâng cấp các cam kết sẵn có (về Quy tắc xuất xứ, Thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương mại, Đầu tư, Cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng, Thương mại điện tử...) mà còn bổ sung thêm 03 Chương mới (về Mua sắm chính phủ; Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa; Thương mại và

phát triển bền vững) và một số điều khoản mới về dịch vụ giáo dục trong Chương thương mại dịch vụ.

Với những nội dung sửa đổi bao trùm, bản nâng cấp AANZFTA được kỳ vọng sẽ hỗ trợ khả năng phục hồi, tăng tính chống chịu của các chuỗi cung ứng trong khu vực, tăng cường tự do hóa dịch vụ và đầu tư, hỗ trợ thương mại điện tử và chuyển đổi số, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế khu vực bền vững và bao trùm.

Tính đến 1/7/2024, đã có 07 quốc gia thành viên, gồm Australia, Brunei, Indonesia, Malaysia, New Zealand, Singapore và Philippines hoàn tất việc phê chuẩn Nghị định thư thứ hai sửa đổi AANZFTA. Về thủ tục, Nghị định thư sẽ có hiệu lực sau 60 ngày kể từ khi Australia, New Zealand và ít nhất bốn nước ASEAN nộp văn kiện phê chuẩn tới Cơ quan lưu chiếu của Hiệp định (là Tổng Thư ký ASEAN). Tuy nhiên, quá trình này dự kiến sẽ kết thúc sớm nhất vào cuối năm 2024. ■

Hiệp định AANZFTA được ký kết vào ngày 27/2/2009 và chính thức có hiệu lực từ ngày 1/1/2010. AANZFTA mặc dù tập trung nhiều vào các vấn đề thương mại hàng hóa truyền thống nhưng cũng đã có một số cam kết về dịch vụ, đầu tư, thương mại điện tử, di chuyển thể nhân, sở hữu trí tuệ, chính sách cạnh tranh và hợp tác kinh tế.

Hiệp định AANZFTA đã được sửa đổi một lần vào năm 2014 qua bản Nghị định thư thứ nhất sửa đổi AANZFTA với một số quy định chi tiết hơn về quy trình cấp giấy chứng nhận xuất xứ trong thương mại hàng hóa. Phiên bản nâng cấp lần này sẽ là bản sửa đổi lần thứ hai của Hiệp định, mở rộng phạm vi Hiệp định sang các chủ đề mới, hiện đại và bám sát thực tiễn hiện nay.

Sau gần 15 năm có hiệu lực, Hiệp định AANZFTA đã đóng góp rất tích cực trong việc thúc đẩy thương mại giữa ASEAN với Australia và New Zealand. Theo số liệu của ITC Trademap, kim ngạch thương mại hai chiều ASEAN - Australia đã tăng gấp đôi, từ 47,3 tỷ USD năm 2009 (thời điểm trước khi Hiệp định AANZFTA có hiệu lực) lên đến 94,4 tỷ USD năm 2023; trao đổi thương mại giữa New Zealand và ASEAN cũng tăng gấp đôi trong cùng giai đoạn, từ 5,7 tỷ USD năm 2009 lên đến 12,7 tỷ USD năm 2023.





Tổng hợp diễn tiến phòng vệ thương mại trong 6 tháng đầu năm 2024



Diễn tiến các vụ việc PVTM do Việt Nam tiến hành đối với hàng nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2024

STT	Sản phẩm	Mã vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Diễn tiến
1	Thép mạ	AD19	Trung Quốc, Hàn Quốc	Ngày 14/06/2024, Quyết định 1535/QĐ-BCT về việc khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp CBPG
2	Đường mía	AC02.AD13-AS01	Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar	Ngày 10/06/2024, Quyết định 1407/QĐ-BCT về kết quả rà soát nhà xuất khẩu mới trong vụ điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM (NR02.AC02.AD13-AS01)
3	Bột ngọt	AD09	Trung Quốc, Indonesia	Ngày 05/01/2024, Quyết định 22/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ hai việc áp dụng biện pháp CBPG (AR02.AD09): điều chỉnh thuế CBPG đối với một số doanh nghiệp

Diễn tiến các vụ việc PVTM đang điều tra đối với hàng xuất khẩu Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024

STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
1	Hoa Kỳ	Túi giấy (Paper Shopping Bags)	Việt Nam , Campuchia, Trung Quốc, Colombia, Ấn Độ, Malaysia, Bồ Đào Nha, Đài Loan (Trung Quốc), Thổ Nhĩ Kỳ	18/07/2024	Bộ Thương mại Hoa Kỳ (USDOC) quyết định áp thuế CBPG chính thức, mức thuế với hàng xuất khẩu từ Việt Nam: 36,51 - 92,34%
2	Hoa Kỳ	Tủ gỗ (Wooden Cabinets and Vanities and Components Thereof)	Việt Nam , Malaysia	17/07/2024	USDOC kết luận cuối cùng về phạm vi sản phẩm: xác định một số mặt hàng tủ gỗ được hoàn thiện tại Việt Nam và Malaysia (sử dụng các bộ phận tủ gỗ sản xuất tại Trung Quốc), thuộc phạm vi áp thuế CBPG và CTC. Hủy bỏ cuộc điều tra chống lẩn tránh thuế CBPG, CTC
3	Hoa Kỳ	Đĩa giấy (Paper Plates)	Việt Nam , Trung Quốc, Thái Lan	01/07/2024	USDOC kết luận sơ bộ khẳng định hàng hóa Việt Nam nhận trợ cấp, biên độ trợ cấp: 5,48% - 237,65%
				11/03/2024	Ủy ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ (USITC) kết luận sơ bộ khẳng định có thiệt hại do phá giá



Diễn tiến các vụ việc PVTM đang điều tra đối với hàng xuất khẩu Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024

STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
				14/02/2024	Khởi xướng điều tra CBPG và CTC (không điều tra CTC với Thái Lan)
4	Ấn Độ	Dây đồng (Continuous Cast Copper Wire Rods)	Việt Nam, Malaysia, Indonesia, Thái Lan	29/06/2024	Tổng vụ PVTM Ấn Độ (DGTR) tiến hành rà soát cuối kỳ thuế CTC
5	Ấn Độ	Ống thép hàn không gỉ (Welded Stainless Steel Pipes and Tubes)	Việt Nam, Trung Quốc	15/06/2024	DGTR đề xuất tiếp tục áp thuế CTC sau rà soát cuối kỳ
6	Hoa Kỳ	Pin năng lượng mặt trời (Crystalline Silicon Photovoltaic Cells)	Việt Nam, Campuchia, Malaysia, Thái Lan	10/06/2024	USITC kết luận sơ bộ khẳng định có thiệt hại do phá giá và trợ cấp
				14/05/2024	Khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp CBPG và CTC
7	Canada	Dây thép (Wire Rod)	Việt Nam, Trung Quốc, Ai Cập	06/06/2024	Cơ quan Dịch vụ biên giới Canada (CBSA) kết luận sơ bộ, áp thuế CBPG tạm thời với mức thuế: Việt Nam: 6,1- 38,9% Trung Quốc: 50,9 - 71,1% Ai Cập: 49,7 - 99,8%
				08/03/2024	Khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp CBPG
8	Hoa Kỳ	Giá đỡ đồ bằng thép (Boltless Steel Shelving)	Việt Nam, Ấn Độ, Malaysia, Đài Loan (Trung Quốc), Thái Lan	07/06/2024	USDOC ra quyết định áp thuế CBPG chính thức, mức thuế với hàng xuất khẩu Việt Nam: 181,6-224,94%
				03/06/2024	USITC kết luận cuối cùng khẳng định có thiệt hại do phá giá
				19/04/2024	USDOC kết luận cuối cùng khẳng định có hành vi bán phá giá
9	Hoa Kỳ	Nhôm đùn ép và các sản phẩm từ nhôm (Aluminum Extrusions)	Việt Nam và một số nước khác	07/05/2024	USDOC kết luận sơ bộ khẳng định có hành vi bán phá giá, biên độ phá giá: 2,85% - 41,84%



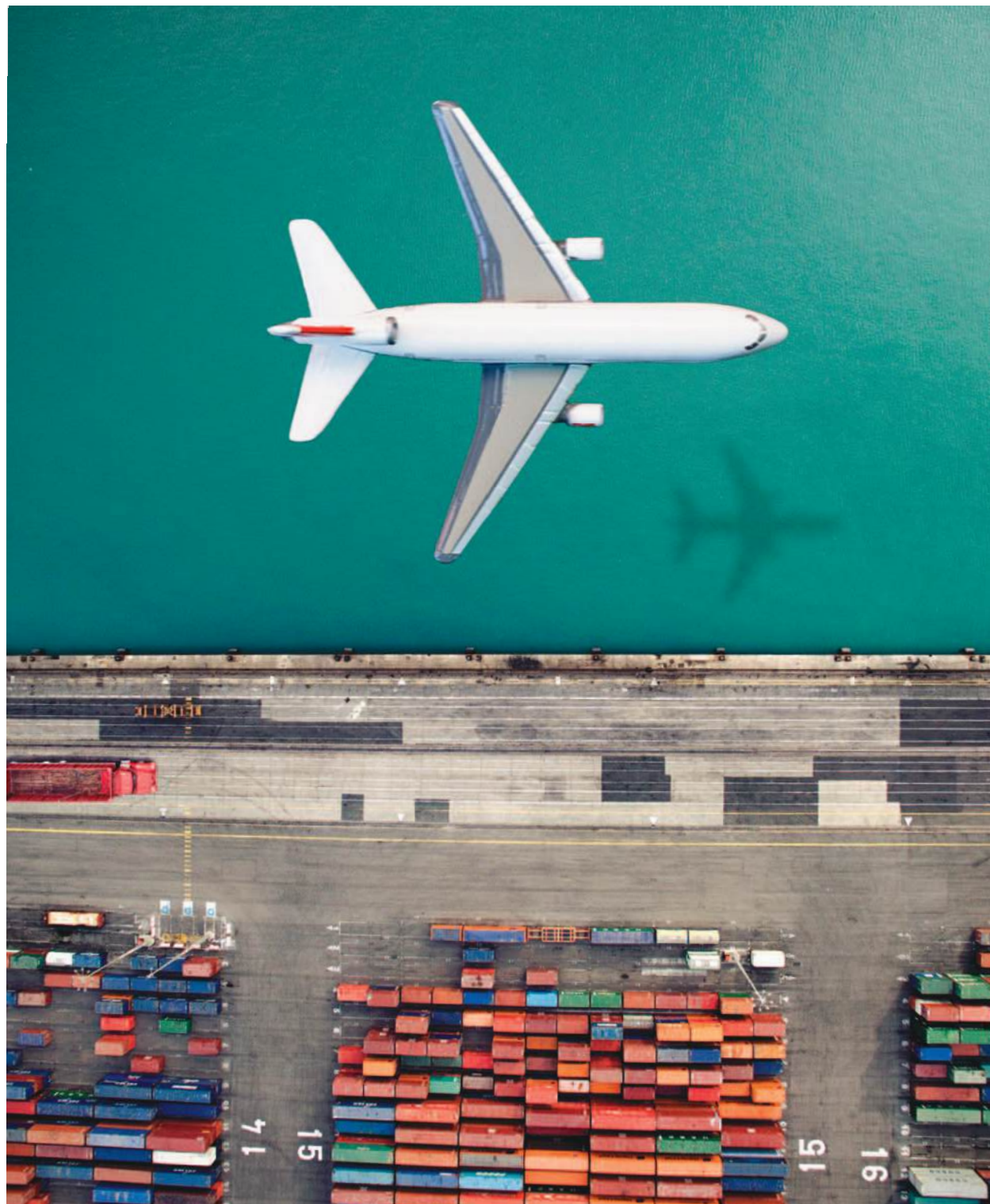
Diễn tiến các vụ việc PVTM đang điều tra đối với hàng xuất khẩu Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024

STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
10	Hoa Kỳ	Túi dệt (Laminated Woven Sacks)	Việt Nam	01/05/2024	Tiến hành rà soát cuối kỳ thuế CBPG và CTC (lần thứ nhất)
11	Hoa Kỳ	Bánh xe kéo bằng thép (Steel traction wheels)	Việt Nam	30/04/2024	USDOC quyết định chấm dứt điều tra xem xét phạm vi sản phẩm
12	Hoa Kỳ	Tháp gió (Utility Wind Towers)	Việt Nam	01/04/2024	Tiến hành rà soát cuối kỳ thuế CBPG (lần thứ hai)
13	Hoa Kỳ	Tôm nước ấm đông lạnh (Frozen Warmwater Shrimp)	Việt Nam, Ecuador, Ấn Độ, Indonesia	01/04/2024	USDOC kết luận sơ bộ khẳng định có trợ cấp, biên độ trợ cấp: 2,84%-196,41%
14	Canada	Ghế bọc đệm (Upholstered Domestic Seating)	Việt Nam, Trung Quốc	22/03/2024	Tiến hành rà soát thuế CBPG và CTC
15	Hoa Kỳ	Ghim dập bằng thép (Collated Steel Staples)	Việt Nam, Thái Lan	29/02/2024	USDOC kết luận cuối cùng khẳng định có hành vi lẩn tránh thuế CBPG, CTC mà Hoa Kỳ đang áp dụng đối với sản phẩm Trung Quốc
16	Thổ Nhĩ Kỳ	Bàn chải đánh răng (Toothbrushes)	Toàn cầu	06/02/2024	Gia hạn thuế tự vệ, mức thuế: Năm thứ nhất (03/02/2024 - 02/02/2025): 0,13 USD/cái Năm thứ hai (03/02/2025 - 02/02/2026): 0,11 USD/cái Năm thứ ba (03/02/2026 - 02/02/2027): 0,09 USD/cái



Các vụ điều tra PVTM mới khởi xướng đối với hàng xuất khẩu Việt Nam tại thị trường nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2024

STT	Quốc gia khởi xướng điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Loại vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian
1	Hàn Quốc	Thép không gỉ cán nguội (Cold Rolled Stainless Steel)	Chống bán phá giá	Việt Nam	30/05/2024
2	Hoa Kỳ	Pin năng lượng mặt trời (Crystalline Silicon Photovoltaic Cells)	Chống bán phá giá và Chống trợ cấp	Việt Nam, Campuchia, Malaysia, Thái Lan	14/05/2024
3	Brazil	Xơ sợi staple nhân tạo từ polyeste (Polyester Staple Fiber)	Chống bán phá giá	Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia và Thái Lan	21/03/2024
4	Canada	Dây thép (Wire Rod)	Chống bán phá giá	Việt Nam, Trung Quốc, Ai Cập	08/03/2024
5	Hoa Kỳ	Xơ sợi staple nhân tạo từ polyeste (Fine Denier Polyester Staple Fiber)	Tự vệ	Toàn cầu	28/02/2024
6	Hoa Kỳ	Đĩa giấy (Paper Plates)	Chống bán phá giá và Chống trợ cấp	Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan (không điều tra CTC với Thái Lan)	14/02/2024
7	Ấn Độ	Kính cường lực tráng và không tráng (Textured Tempered Coated and Uncoated Glass)	Chống bán phá giá và Chống trợ cấp	Việt Nam, Trung Quốc (không điều tra CTC với Trung Quốc)	13/02/2024





TIN QUỐC TẾ





Diễn tiến các điểm nóng căng thẳng thương mại

● Hoa Kỳ - Trung Quốc: Cuộc chiến công nghệ tiếp tục leo thang

Hơn hai năm qua, “cuộc chiến công nghệ” giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc dường như vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt với một loạt các lệnh cấm/hạn chế xuất khẩu nguyên liệu, công nghệ bán dẫn... của hai Bên.

Bước sang năm 2024, căng thẳng giữa hai cường quốc trên mặt trận chip bán dẫn lại được đẩy lên cao khi

Hoa Kỳ tiếp tục siết chặt các quy định xuất khẩu chip trí tuệ nhân tạo (AI) sang Trung Quốc. Ngày 29/3/2024, Hoa Kỳ đã công bố bản sửa đổi các biện pháp kiểm soát xuất khẩu nhằm tăng cường hạn chế khả năng tiếp cận của Trung Quốc với chip trí tuệ nhân tạo và công nghệ sản xuất chip của Hoa Kỳ. Trong lần sửa đổi này, Hoa Kỳ mở rộng phạm vi kiểm soát đến cả máy tính xách tay có chứa các loại



chip tiên tiến. Đây được xem là hành động nhằm ứng phó với các hành vi né tránh các lệnh hạn chế xuất khẩu chip sang Trung Quốc thông qua các sản phẩm này thời gian vừa qua.

Cũng trong nửa đầu năm 2024, Hoa Kỳ liên tục bổ sung các công ty công nghệ của Trung Quốc vào danh sách hạn chế xuất/nhập khẩu với một số chủ thể Hoa Kỳ. Cuối tháng 1/2024, Hoa Kỳ đã đưa 17 công ty Trung Quốc vào danh sách gây rủi ro an ninh quốc gia, với nhiều tên tuổi lớn hoạt động trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, sản xuất chip nhớ, linh kiện điện tử tại Trung Quốc như YMTC, SMIC, Yitu Technology, Beijing Megvii, Hesai Technology, NetPosa... Cụ thể, Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ sẽ bị cấm mua hàng hóa, dịch vụ do các công ty này sản xuất hoặc phát triển. Điều này đồng nghĩa với việc các công ty này của Trung Quốc sẽ không đủ điều kiện nhận các hợp đồng của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ - một khách hàng lớn trong lĩnh vực này trong thời gian tới. Đến tháng 4/2024, 04 công ty công nghệ lớn khác của Trung Quốc (gồm

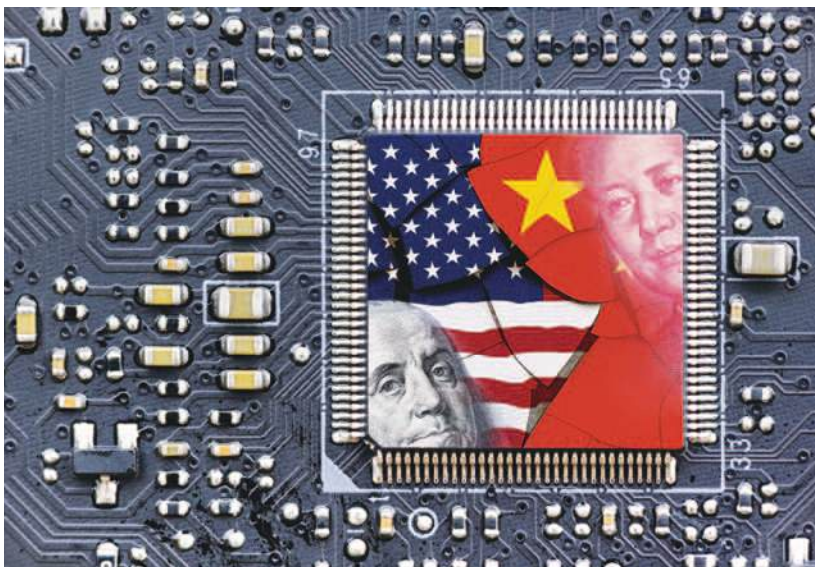
Linkzol, Thông tin Sáng tạo Xi'an Like, Anwise Bắc Kinh và Sitonholly) bị Hoa Kỳ thêm vào danh sách đen xuất khẩu với lý do các công ty này cố gắng tìm cách mua các chip AI từ Hoa Kỳ để phục vụ cho quân đội Trung Quốc. Chỉ một tháng sau đó, Hoa Kỳ tiếp tục bổ sung 37 thực thể của Trung Quốc vào danh sách hạn chế thương mại nhằm ngăn chặn dòng chảy công nghệ từ Hoa Kỳ sang Trung Quốc. Theo đó, các thực thể trong danh sách này sẽ không được phép mua hàng hóa, công nghệ của Hoa Kỳ nếu không có sự cho phép của chính phủ nước này theo từng đơn hàng.

Không những thế, Hoa Kỳ cũng kêu gọi các nước đồng minh như Hà Lan, Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản thắt chặt hơn nữa việc tiếp cận công nghệ bán dẫn của Trung Quốc. Cụ thể, Hoa Kỳ đang thúc giục Hà Lan ngăn ASML Holding NV bảo trì và sửa chữa các thiết bị sản xuất chip nhạy cảm mà Trung Quốc đã mua, bày tỏ mong muốn các công ty Nhật Bản như JSR Corporation và Shin-Etsu Chemical hạn chế xuất khẩu các hóa chất

chuyên dụng cho sản xuất chip sang Trung Quốc, đồng thời yêu cầu Hàn Quốc hạn chế xuất khẩu các dòng thiết bị và công nghệ sản xuất chip nhớ cao cấp sang nước này...

Trước những động thái từ phía Hoa Kỳ, Trung Quốc đã ngay lập tức có những hành động ứng phó. Ngày 24/3/2024, Trung Quốc đã ban hành văn bản hướng dẫn việc mua sắm máy tính cá nhân và máy chủ trong các cơ quan chính quyền, trong đó có các quy định cấm gắn chip Intel và AMD của Hoa Kỳ, hạn chế mua hệ điều hành Windows và các phần mềm cơ sở dữ liệu do nước ngoài sản xuất... Ngoài các quy định về mua sắm công, Trung Quốc cũng đặt ra yêu cầu tương tự đối với doanh nghiệp nhà nước để hoàn thành lộ trình chuyển đổi công nghệ sang các nhà cung cấp trong nước vào năm 2027. Những nỗ lực thay thế hệ thống công nghệ thông tin nước ngoài bằng sản phẩm trong nước cho thấy quyết tâm của Trung Quốc trong việc tự chủ về công nghệ. Quyết tâm này của Trung Quốc càng được củng cố khi nước này thành lập quỹ đầu tư bán dẫn lớn nhất từ trước đến nay (quy mô 47,5 tỷ USD) cho lĩnh vực sản xuất chip vào 24/5/2024. Quỹ đầu tư mới này là giai đoạn thứ 3 của Quỹ đầu tư công nghiệp mạch tích hợp Trung Quốc (gọi tắt là Big Fund III) nhấn mạnh nỗ lực mới của Trung Quốc trong việc xây dựng ngành công nghiệp bán dẫn riêng khi căng thẳng với Hoa Kỳ ngày càng leo thang.

Đồng thời, để trả đũa Hoa Kỳ, Trung Quốc cũng đã đưa một số công ty của Hoa Kỳ vào danh sách các thực thể không đáng tin cậy, bao gồm General Atomics Aeronautical Systems, General Dynamics Land Systems và Boeing Defense, Space & Security. Theo đó, các công ty này sẽ





bị cấm thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu liên quan đến Trung Quốc và bị cấm thực hiện đầu tư mới vào Trung Quốc.

Mẫu thuẫn giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc tiếp tục được đẩy lên cao khi Hoa Kỳ ngày 14/5/2024 quyết định gói thuế trừng phạt mới, theo đó tăng mạnh mức thuế nhập khẩu đối với nhiều mặt hàng công nghệ nhập khẩu từ Trung Quốc như xe điện (tăng thuế gấp 4 lần, lên mức hơn 100%), tế bào quang điện (tăng từ mức thuế 25% trước đó lên 50%), sản phẩm nhôm, thép (tăng hơn 3 lần, lên 25%)..., ước tính các biện pháp đánh thuế mới của Hoa Kỳ sẽ tác động đến

18 tỷ USD hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc. Ngoài ra, Hoa Kỳ vẫn tiếp tục duy trì các mức thuế trừng phạt đánh vào 300 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc đã được áp dụng từ thời tổng thống Donald Trump.

Động thái nói trên của Hoa Kỳ dẫn tới sự phản đối quyết liệt từ phía Trung Quốc, nước này cho rằng quyết định tăng thuế của Hoa Kỳ đang chèn ép, kiềm chế sự phát triển cũng như cắt đứt chuỗi liên kết của Trung Quốc, đồng thời Trung Quốc cũng tuyên bố sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Tính đến thời điểm hiện tại, mặc dù Trung Quốc chưa đưa ra bất kỳ biện

pháp cụ thể nào để trả đũa Hoa Kỳ, nhưng việc Trung Quốc sẽ đáp trả bằng việc tăng thuế đối với hàng hóa nhập khẩu từ Hoa Kỳ là có thể dự đoán được, tương tự như cách Trung Quốc đã thực hiện khi Hoa Kỳ đánh thuế lên 300 tỷ USD hàng Trung Quốc trước đây.

Có thể thấy, căng thẳng trong thương mại công nghệ giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc đang ngày càng nóng lên trong nửa đầu năm 2024. Giới quan sát thậm chí còn lo ngại tình hình sẽ căng thẳng hơn nữa trong nửa cuối năm khi một loạt các hành động trả đũa được thực hiện, kéo theo các đợt trừng phạt/trả đũa mới.



EU – Trung Quốc: Cuộc chiến xe điện đã chính thức khai hỏa?

Liên quan tới vấn đề xe điện, mối quan hệ giữa Trung Quốc và EU đã đứng trước nguy cơ cao từ cuối năm 2023 khi EU khởi xướng điều tra chống trợ cấp đối với xe ô tô điện nhập khẩu từ Trung Quốc với cáo buộc các sản phẩm này được hưởng trợ cấp quá mức từ chính phủ Trung Quốc, gây tổn hại nghiêm trọng đến ngành công nghiệp sản xuất ô tô của EU.

Sau hơn 8 tháng điều tra, ngày 12/6/2024, Ủy ban châu Âu (EC) đã ra quyết định về việc áp thuế chống trợ cấp tạm thời đối với xe điện nhập khẩu từ Trung Quốc với mức thuế lên đến 38,1%, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 4/7/2024. Trong kết luận sơ bộ, EC chỉ ra rằng ngành công nghiệp xe điện của Trung Quốc được hưởng lợi đáng kể từ việc trợ cấp không công bằng (được cho thuê giá rẻ/miễn phí mặt bằng cho nhà máy sản xuất, nhận những khoản trợ cấp dành riêng cho lithium, pin, hưởng lãi suất thấp/lãi suất tái cấp vốn ưu đãi để hỗ trợ lĩnh vực này...), dẫn tới thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất nội địa EU.

Sau khi EC ban hành quyết định này, Trung Quốc ngay lập tức thể hiện thái độ phản đối gay gắt. Nước này cho rằng đây là hành vi bảo hộ không công bằng, có thể làm leo thang xung đột thương mại, gây gián đoạn/bóp méo ngành công nghiệp xe điện trên toàn cầu, đồng thời khẳng định sẽ thực hiện mọi

biện pháp cần thiết để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Chưa đầy một tuần sau đó, ngày 17/6/2024, Trung Quốc cho biết sẽ mở cuộc điều tra chống bán phá giá đối với thịt lợn từ châu Âu. Mặc dù không đề cập gì đến việc áp thuế xe điện, nhưng động thái này của Trung Quốc được cho là hành động trả đũa EU và có thể mang lại cho Trung Quốc lợi thế thương lượng trong các cuộc đàm phán thương mại.

Phản ứng trước thông tin này, phía EU cho biết trợ cấp nông nghiệp của EU là hoàn toàn phù hợp với quy định của WTO, đồng thời cho biết sẽ theo dõi sát sao cuộc điều tra và có các biện pháp can thiệp khi cần thiết để đảm bảo cuộc điều tra của Trung Quốc tuân thủ đúng quy định.

Đến ngày 10/7/2024, Trung Quốc cho biết nước này đang tiến hành một cuộc điều tra về rào cản thương mại và đầu tư tại các quyết định của EU trong các cuộc điều tra chống trợ cấp đối với nhiều sản phẩm của Trung Quốc (như đầu máy xe lửa, thiết bị quang điện, điện gió, thiết bị kiểm tra an ninh...) và cuộc điều tra dự kiến sẽ kéo dài đến ngày 10/1/2025. Đây được xem là hành động đáp trả của Trung Quốc đối với việc áp thuế xe điện của EU từ đầu tháng 7/2024.

Trong diễn biến mới nhất, ngày 9/8/2024, Trung Quốc thông báo đã đệ đơn lên Tổ chức Thương mại Thế

giới (WTO) để khiếu nại các biện pháp chống trợ cấp tạm thời mà EU áp đặt đối với xe điện nhập khẩu từ Trung Quốc. Trong đơn khiếu nại, Trung Quốc lập luận rằng các kết luận trong phán quyết sơ bộ của EU thiếu cơ sở thực tế và pháp lý, đồng thời vi phạm nghiêm trọng các quy tắc của WTO. Hành động áp thuế xe điện của EU không chỉ ảnh hưởng đến ngành sản xuất liên quan của Trung Quốc mà còn gây phương hại đến tiến trình hợp tác toàn cầu về sản xuất và sử dụng xe điện nhằm giải quyết vấn đề khí hậu. Hiện tại, Trung Quốc vẫn đang tiếp tục kêu gọi EU thực hiện chính sách thuế phù hợp để duy trì sự ổn định trong quan hệ hợp tác thương mại giữa hai bên, cũng như sự ổn định của chuỗi cung ứng xe điện toàn cầu.

Có thể thấy, quyết định áp thuế chống trợ cấp tạm thời của EU đối với xe điện dường như đang châm ngòi cho một cuộc đối đầu thương mại ở quy mô lớn giữa hai Bên khi mà ô tô điện được xem là sản phẩm quan trọng của cả hai, nhất là trong bối cảnh xu hướng xanh hóa ngành công nghiệp quan trọng này. Giới quan sát thậm chí còn lo ngại tình hình sẽ càng căng thẳng hơn trong những tháng tới khi EU đi đến kết luận chính thức trong vụ điều tra chống trợ cấp đối với ô tô điện Trung Quốc, và hai Bên có thể sẽ còn thực hiện những hành động trả đũa mạnh hơn, ở quy mô rộng hơn. ■



Ảnh hưởng kinh tế từ chiến sự Ukraine và Gaza

Bước sang năm 2024, kinh tế thế giới vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng đáng kể bởi những diễn biến phức tạp, khó đoán định của tình hình chiến sự tại Ukraine và dải Gaza với không chỉ các biện pháp trừng phạt, trả đũa về kinh tế giữa các Bên như giai đoạn trước mà còn cả các tác động từ sự tham gia theo các cách thức khác nhau của các lực lượng khác vào các cuộc chiến này.



CHIẾN SỰ NGA – UKRAINE: NGUY CƠ KHỦNG HOẢNG NĂNG LƯỢNG QUAY TRỞ LẠI

Khủng hoảng năng lượng là một trong những hậu quả nghiêm trọng đầu tiên diễn ra chỉ một thời gian ngắn sau khi chiến sự ở Ukraine nổ ra hồi tháng 4/2022. Sau thời gian được kiểm soát, bước sang năm 2024, thế giới lại đứng trước mối lo về nguy cơ tái diễn cuộc khủng hoảng năng lượng khi EU công bố lệnh trừng phạt đối với khí đốt tự nhiên hóa lỏng (LNG) của Nga và thỏa thuận vận chuyển khí đốt giữa Nga - Ukraine sẽ kết thúc vào cuối năm nay.

Ngày 24/6/2024, EU đã thông qua gói trừng phạt thứ 14 nhắm vào Nga, trong đó nổi bật là lệnh cấm trung chuyển khí đốt hóa lỏng của Nga qua EU. Cụ thể, các nhà xuất khẩu LNG của Nga sẽ bị cấm sử dụng các cảng của EU để chuyển khí đốt giữa các tàu chở dầu lớn và các tàu nhỏ hơn dành cho các nước thứ ba, tuy nhiên EU sẽ không cấm các quốc gia thành viên mua LNG làm nhiên liệu sử dụng trong nước. Như vậy, khi gói trừng phạt này được áp dụng, các công ty EU vẫn sẽ được phép mua LNG của Nga nhưng bị cấm tái xuất sang các nước khác. Theo Trung tâm Nghiên cứu Năng lượng và Không khí sạch (CREA), EU đã nhập khẩu khoảng 20 tỷ m³ LNG với trị giá 8,3 tỷ euro từ Nga trong năm 2023 và khoảng 22% trong số này (4,4 tỷ m³) đã được trung chuyển sang nhiều quốc gia khác trên toàn cầu (Trung Quốc, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ...).

Giới quan sát nhận định rằng biện pháp trừng phạt này của EU đối với Nga không chỉ trực tiếp làm giảm nguồn thu của Nga từ việc bán khí đốt mà còn gây gián đoạn chuỗi cung ứng mặt hàng này. Không được trung

chuyển qua châu Âu, Nga sẽ tìm cách chuyển hướng vận chuyển LNG trực tiếp đến Đông và Nam Á nhưng khả năng thực hiện việc này còn hạn chế do cần một đội tàu khá lớn. Như vậy, với nguồn cung/khả năng cung ứng giảm sút, giá LNG được dự đoán sẽ tăng cao trong thời gian sắp tới.

Trong gói trừng phạt mới, EU cũng cấm nhập khẩu khí heli (loại khí được sử dụng trong sản xuất quân sự, hàng không vũ trụ và chất bán dẫn) từ Nga. Trong bối cảnh Nga đang xây dựng các nhà máy khí heli mới ở Siberia, hướng tới mục tiêu trở thành nhà sản xuất khí heli lớn thứ ba thế giới vào năm 2025, động thái này của EU được xem là nước đi phủ đầu, ngăn chặn khả năng phụ thuộc của EU vào Nga trong tương lai. Ngoài ra, EU cũng áp đặt các biện pháp hạn chế việc Nga sử dụng “hạm đội bóng đêm” để vận chuyển dầu thô lách lệnh trừng phạt.

Ngoài gói trừng phạt thứ 14 của EU đối với Nga, an ninh năng lượng còn có nguy cơ bị đe dọa bởi việc chấm dứt thỏa thuận vận chuyển khí đốt giữa Nga và Ukraine vào cuối năm 2024. Theo thỏa thuận giữa Nga và Ukraine từ năm 2019, Nga sẽ trả tiền cho Ukraine để xuất khẩu khí đốt sang châu Âu thông qua mạng lưới đường ống của nước này. Thỏa thuận có thời hạn 5 năm và sẽ hết hạn vào cuối tháng 12/2024. Tuy nhiên ngày 17/3/2024, phía Ukraine đã tuyên bố không có kế hoạch gia hạn thỏa thuận và sẽ không ký kết bất kỳ thỏa thuận bổ sung nào khác. Mặc dù phía Nga ngay sau đó cũng đã tuyên bố sẽ sử dụng các đường

ống thay thế và thúc đẩy xuất khẩu khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) vận chuyển bằng đường biển trong trường hợp thỏa thuận hiện tại giữa Nga và Ukraine không được gia hạn, nhưng nguy cơ thiếu hụt khí đốt tại châu Âu do sụt giảm nguồn cung cũng là vấn đề rất đáng lo ngại trong thời gian sắp tới, bởi lẽ tuyến đường vận chuyển qua Ukraine vốn là con đường duy nhất để khí đốt của Nga đến Tây và Trung Âu kể từ năm 2022 – sau khi đường ống Dòng chảy phương Bắc của Nga bị hư hỏng.

Trong thời gian sắp tới, tình hình có thể sẽ phức tạp hơn khi Hungary nắm giữ vai trò chủ tịch luân phiên của EU trong nửa cuối năm 2024, bởi nước này vốn được coi là có quan hệ thân thiết với Nga và thường không đồng tình với các hành động tài trợ vũ khí cho Ukraine cũng như các lệnh trừng phạt Nga của EU, trong đó có cả gói trừng phạt 14 nêu trên.

XUNG ĐỘT TẠI DẢI GAZA: CHUỖI CUNG ỨNG HÀNG HÓA QUỐC TẾ TIẾP TỤC BỊ GIÁN ĐOẠN

Sau gần 10 tháng khai hỏa, cuộc xung đột giữa Israel và Hamas ở dải Gaza không có dấu hiệu hạ nhiệt. Mặc dù các ảnh hưởng trực tiếp tới kinh tế thế giới chưa quá nặng nề nhưng sự tham gia của các lực lượng ủng hộ Hamas trong khu vực, đặc biệt là hành động tấn công các tàu hàng di chuyển qua khu vực Biển Đỏ của lực lượng Hồi giáo Houthi, lại gây ra những hệ quả nghiêm trọng tới chuỗi cung ứng toàn cầu, qua đó gián tiếp dẫn tới sự tăng giá của nhiều loại hàng hóa, đặc biệt là giá dầu.

Sau những vụ tấn công đầu tiên vào giữa tháng 11/2023, nhiều hãng vận chuyển lớn như MSC, Maersk, CMA CGM, Hapag-Lloyd, Cosco Shipping,

Nhiều nền kinh tế cải thiện khả năng chống chịu trước các biến động

Mặc dù vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng bởi những xung đột địa chính trị kéo dài, các nền kinh tế trên thế giới dường như đã bớt sốc hơn trước các hệ quả kinh tế tiêu cực từ chiến sự. Với sự phục hồi tích cực của một số nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Ấn Độ..., triển vọng tăng trưởng của kinh tế thế giới (theo dự báo của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) tháng 7/2024) đã được nâng lên mức 3,2%, cao hơn 0,3% so với dự báo hồi tháng 10/2023.

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), kinh tế nước này trong nửa đầu năm 2024 ghi nhận nhiều kết quả khả quan với GDP đạt 61,68 nghìn tỷ RMB (tương đương 8,49 nghìn tỷ USD), tăng 5% so với cùng kỳ năm trước; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tăng 6,1%, đạt 21,17 nghìn tỷ RMB; giá trị sản xuất nông nghiệp và công nghiệp của nước này lần lượt tăng 4% và 6%...

Ngoài Trung Quốc, Ấn Độ cũng là quốc gia được dự báo có mức tăng trưởng kinh tế tích cực (7%) trong năm 2024 (theo Báo cáo "Triển vọng kinh tế thế giới (WEO) của IMF tháng 7/2024). Trên thực tế, nền kinh tế Ấn Độ đã cho thấy sự tăng trưởng nhanh hơn kỳ vọng, đạt 7,8% trong quý đầu năm 2024 (Số liệu của Cơ quan Thống kê Quốc gia Ấn Độ - NSO).

HMM, Evergreen Line, cùng nhiều bên khai thác tàu chở dầu và khí đốt đã buộc dừng vận chuyển qua khu vực Biển Đỏ và kênh đào Suez. Nhiều chuyến tàu hàng kết nối châu Á với châu Âu và châu Mỹ đã phải đi đường vòng qua mũi Hào Vọng ở cực Nam châu Phi để tránh nguy cơ bị tấn công. Theo IMF, trong hai tháng đầu năm 2024, khối lượng thương mại qua kênh đào Suez giảm 50% so với cùng kỳ năm trước, trong khi khối lượng thương mại qua mũi Hào Vọng tăng 74%.

Tình trạng thiếu container và chi phí phát sinh từ việc phải đi vòng xa khiến cho giá cước vận chuyển nhiều tuyến đường vận tải biển tiếp tục tăng cao trong nửa đầu năm 2024. Cụ thể, giá cước vận chuyển từ Đông Á đến Bờ Tây Bắc Mỹ tăng 160%, từ 2.713 USD/FEU (tuần đầu tháng 01/2024) lên đến 7.052 USD/FEU (tuần cuối tháng 6/2024), từ Đông Á đến Bờ Đông Bắc Mỹ tăng 107%, đạt 8.253 USD/FEU, từ Đông Á đến Bắc Âu tăng 62%, đạt 7.130 USD... (Freightos.com, 2024).

Tình hình trầm trọng hơn khi lực lượng Houthi, với sự hậu thuẫn của Iran, trong tháng 4 và tháng 5 đã mở rộng các đối tượng tập kích ở khu vực Biển Đỏ (không chỉ các tàu thương mại mang cờ của các nước mà Houthi cho là đồng minh của Israel mà còn cả tàu thuộc sở hữu các nước khác như Nga, Hy Lạp...), đồng thời sử dụng cả máy bay không người lái và tên lửa để tấn công. Các tàu hàng bị tấn công không chỉ là các hàng hóa thông thường mà còn có cả các tàu chở dầu, nhiên liệu... Houthi thậm chí còn tuyên bố có thể sẽ mở rộng khu vực tấn công để ngăn chặn các tàu liên kết với Israel đi qua Ấn Độ Dương tới Mũi Hào Vọng.

Căng thẳng tại khu vực Biển Đỏ dẫn đến tình trạng leo thang về giá của nhiều loại hàng hóa, trong đó có mặt

hàng dầu thô. Kể từ khi bắt đầu căng thẳng tại Biển Đỏ, giá dầu Brent đã có lúc đạt hơn 90 USD/thùng (đầu tháng 4/2024), tăng khoảng 10% so với thời điểm trước các cuộc tấn công (giữa tháng 11/2023) (Statista.com). Theo nhiều chuyên gia, giá dầu thế giới có thể tiếp tục tăng trong thời gian sắp tới nếu căng thẳng tại khu vực này vẫn tiếp tục kéo dài. Đáng chú ý, dầu là một nhiên liệu quan trọng, được sử dụng trong hầu hết các ngành công nghiệp và dịch vụ hiện nay. Do đó, giá dầu tăng làm gia tăng chi phí sản xuất và vận chuyển, đẩy mặt bằng giá cả của nhiều loại hàng hóa và dịch vụ lên cao, kéo theo nguy cơ gia tăng lạm phát tại nhiều quốc gia.

Xung đột tại dải Gaza được dự đoán sẽ ngày càng nóng hơn khi thủ lĩnh Hamas - Ismail Haniyeh bị ám sát tại Tehran, Iran vào cuối tháng 7/2024. Ngay sau sự việc, phía Iran đã liên tục công khai quyết tâm cùng với lực lượng Hamas tấn công trả thù Israel nhằm ngăn chặn nước này gây thêm bất ổn. Để giảm bớt căng thẳng, các nước (đứng đầu là Hoa Kỳ) đang nỗ lực

kêu gọi khởi động lại các cuộc đàm phán ngừng bắn tại Gaza. Tuy nhiên, phía Hamas lại phản đối việc tổ chức thêm các cuộc đàm phán với các đề xuất mới, mà thay vào đó yêu cầu thực hiện những gì đã được đưa ra trong kế hoạch ngừng bắn do Hoa Kỳ đề xuất hồi tháng 5/2024. Trước tình hình căng thẳng tại khu vực này đang leo thang lên nguy cơ trở thành cuộc chiến ủy nhiệm với sự tham gia của nhiều nước, các chuyên gia kinh tế lo ngại rằng các tác động từ cuộc chiến ở dải Gaza sẽ không dừng lại ở những ảnh hưởng diện hẹp như chi phí vận tải hay giá dầu như đã từng chứng kiến.

Tóm lại, trong nửa đầu năm 2024, mặc dù đã có những khởi sắc ở các khía cạnh khác, kinh tế thế giới tiếp tục phải chịu ảnh hưởng từ những diễn biến phức tạp của tình hình chiến sự Nga - Ukraine và xung đột tại dải Gaza. Cuộc chiến giữa các bên liên quan thậm chí được nhận định sẽ còn tiếp tục leo thang trong thời gian tới, do đó chúng đang và sẽ là nguồn rủi ro cao, đe dọa sự ổn định và phát triển của kinh tế toàn cầu. ■



Thái Lan đẩy mạnh đàm phán, ký kết nhiều FTA mới

Là nền kinh tế định hướng xuất khẩu lớn ở khu vực Đông Nam Á, Thái Lan đang nỗ lực mở rộng thị trường thông qua các FTA như một cách để thúc đẩy xuất khẩu, tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị toàn cầu trong bối cảnh thương mại quốc tế đang ngày càng cạnh tranh phức tạp hơn.

Tính đến thời điểm hiện tại, Thái Lan đã ký kết 14 Hiệp định thương mại tự do (FTA) với 18 đối tác khác nhau, chủ yếu tập trung ở khu vực châu Á như ASEAN, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông (Trung Quốc), một số ít thuộc khu vực Nam Mỹ (Chile, Peru) và châu Đại Dương (Australia, New Zealand). Với nỗ lực mở rộng mạng lưới FTA để bao trùm thêm nhiều đối tác quan trọng, Thái Lan đang thúc đẩy việc đàm phán, ký kết thêm nhiều FTA với khối EFTA, Liên minh châu Âu (EU), Pakistan, Sri-Lanka, Thổ Nhĩ Kỳ và Canada.

Ngày 3/2/2024, Thái Lan và Sri-Lanka đã chính thức ký kết Hiệp định thương mại tự do (SLTFTA) sau gần sáu năm đàm phán. Với 14 Chương bao trùm nhiều lĩnh vực thương mại, SLTFTA được kỳ vọng sẽ thúc đẩy quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai nước, giúp Thái Lan khai thác thị trường tiềm năng mới nổi như Sri Lanka. Hiện tại,

Thái Lan và Sri Lanka đang trong quá trình phê chuẩn nội bộ để có thể đưa Hiệp định này vào thực thi từ 1/1/2025.

Ngoài ra, Thái Lan cũng đặt mục tiêu sẽ hoàn tất đàm phán và ký kết FTA với khối EFTA trong năm 2024. Hai Bên đã hoàn tất vòng đàm phán thứ 9 vào cuối tháng 4/2024 và dự kiến sẽ khởi động vòng đàm phán thứ 10 vào tháng 8/2024. Trong các buổi thảo luận/đàm phán, Thái Lan và EFTA đang hướng tới việc xây dựng một FTA hiện đại, toàn diện với các cam kết về thương mại hàng hóa, quy tắc xuất xứ, thương mại dịch vụ, đầu tư, mua sắm chính phủ, sở hữu trí tuệ, phòng vệ thương mại...

Với cơ cấu hàng hóa gần tương tự Việt Nam, Thái Lan hiện là đối thủ cạnh tranh mạnh của Việt Nam ở nhiều thị trường xuất khẩu. Hiện Việt Nam đang có lợi thế về thuế quan so với Thái Lan ở nhiều thị trường nhờ FTA (ví dụ EU, Canada, Mexico...). Tuy nhiên, với việc Thái Lan đang tăng tốc đàm phán, ký kết các FTA, lợi thế đi trước của Việt Nam sẽ không còn nhiều thời gian nữa. Không chỉ Thái Lan mà nhiều đối thủ cạnh tranh của Việt Nam cũng đang thúc đẩy xu hướng này. Doanh nghiệp Việt Nam vì thế cần tranh thủ tận dụng thời gian này để tối đa hóa các lợi ích từ các FTA hiện có. ■





Ấn Độ và EFTA chính thức ký kết FTA

Sau hơn 16 năm với 21 vòng đàm phán, Ấn Độ và Hiệp hội Mậu dịch tự do châu Âu (khối EFTA bao gồm các nước Iceland, Na Uy, Liechtenstein và Thụy Sĩ) đã chính thức ký kết Hiệp định thương mại tự do (viết tắt là TEPA) vào ngày 10/3/2024.

Về nội dung, TEPA gồm 14 Chương với các cam kết tự do hóa trong cả các lĩnh vực thương mại truyền thống và các chủ đề mới (cạnh tranh, thương mại và phát triển bền vững...). Được đánh giá là Hiệp định toàn diện, TEPA được kỳ vọng sẽ tăng cường quan hệ hợp tác giữa Ấn Độ và EFTA trong nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là thương mại, đầu tư.

Trong TEPA, nội dung về hợp tác và xúc tiến đầu tư được xem là có nhiều điểm mới so với các FTA mà EFTA và Ấn Độ đã ký kết trước đây với các cam kết ràng buộc đầu tư 100 tỷ USD từ EFTA vào Ấn Độ trong 15 năm tới.

Về thủ tục, sau khi ký kết Hiệp định, khối EFTA và Ấn Độ phải hoàn tất các thủ tục phê chuẩn nội bộ để Hiệp định có thể chính thức đi vào thực thi. Theo đánh giá của các bên, TEPA dự kiến sẽ có hiệu lực vào nửa cuối năm 2025.

TEPA là nỗ lực của cả Ấn Độ và EFTA trong việc mở rộng mạng lưới FTA với các đối tác thương mại khác nhau trên thế giới. Về phía Ấn Độ, nước này trong những năm gần đây đã ký kết FTA với Australia và các Tiểu vương

quốc Ả Rập Thống nhất (UAE), đồng thời Ấn Độ cũng đang đàm phán một Hiệp định toàn diện với khối EU, và tiến trình đàm phán FTA với Anh cũng đang bước vào giai đoạn cuối.

Việt Nam đã khởi động đàm phán với Khối EFTA từ 5/2012 và hiện quá trình đàm phán vẫn chưa hoàn tất do tồn tại một số khía cạnh chưa giải quyết được. Mặc dù Ấn Độ có cơ cấu hàng hóa không hoàn toàn tương đồng với Việt Nam nhưng việc nước này có FTA với Khối EFTA sớm hơn và đang tiến tới hoàn tất đàm phán với EU và Anh cũng có thể khiến hàng hóa xuất khẩu Việt Nam phải đối mặt với cạnh tranh nhiều hơn từ Ấn Độ ở các thị trường này trong các lĩnh vực tương đồng. ■



Thúc đẩy việc triển khai các trụ cột trong IPEF

THỰC THI THỎA THUẬN CHUỖI CUNG ỨNG IPEF (TRỤ CỘT II)

Ngày 24/2/2024, Thỏa thuận Chuỗi cung ứng IPEF đã chính thức có hiệu lực với sự phê chuẩn của 5 quốc gia thành viên đầu tiên là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Fiji, Ấn Độ và Singapore. Đây là thỏa thuận đa phương đầu tiên và lớn nhất trên thế giới nhằm thiết lập một khung khổ thống nhất để thúc đẩy hợp tác giữa các nước thành viên trong các khía cạnh quan trọng nhằm nâng cao tính chống chịu của chuỗi cung ứng trong khu vực.



Sau khi Thỏa thuận Chuỗi Cung ứng có hiệu lực, các đối tác IPEF đã thành lập ba cơ quan điều phối của Thỏa thuận, bao gồm (i) **Hội đồng chuỗi cung ứng IPEF (Supply Chain Council)** nhằm xây dựng các kế hoạch hành động theo ngành cụ thể nhằm tăng cường khả năng phục hồi trong các lĩnh vực quan trọng và hàng hóa thiết yếu; (ii) **Mạng lưới ứng phó khủng hoảng chuỗi cung ứng IPEF (Crisis Response Network)** nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên lạc và phối hợp khẩn cấp trong thời gian chuỗi cung ứng bị gián đoạn; và (iii) **Ban cố vấn quyền lao động IPEF (Labor Rights Advisory Board)** nhằm thúc đẩy quyền lao động trong chuỗi cung ứng của các quốc gia IPEF. Cùng với đó, các nước cũng hoàn thành việc bổ nhiệm các Chủ tịch và những người đại diện, đồng thời thông qua điều khoản tham chiếu của mỗi cơ quan. Đáng chú ý, các nước thành viên IPEF sẽ tiến hành xác định và thông báo cho các nước đối tác về Danh sách các ngành quan trọng và hàng hóa thiết yếu để thúc đẩy hợp tác, trong vòng 120 ngày sau khi Thỏa thuận có hiệu lực với mỗi quốc gia.

Tính đến hết tháng 6/2024, đã có 8/14 nước thành viên IPEF hoàn tất các thủ tục nội bộ cần thiết để thực thi Thỏa thuận Chuỗi cung ứng IPEF, bao gồm: Fiji, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Hoa Kỳ, Thái Lan và Malaysia. Các nước thành viên còn lại cũng đang thúc đẩy việc hoàn tất các thủ tục nội bộ cần thiết để có thể chính thức triển khai Thỏa thuận này.

KÝ KẾT CÁC THỎA THUẬN TRONG CÁC TRỤ CỘT KHÁC CỦA IPEF

Sau quá trình tham vấn trong nước và rà soát kỹ thuật, 14 nước thành viên IPEF đã chính thức ký kết Thỏa

thuận chung IPEF, Thỏa thuận Kinh tế sạch IPEF (Trụ cột III) và Thỏa thuận Kinh tế công bằng IPEF (Trụ cột IV) trong Khuôn khổ Hội nghị Bộ trưởng IPEF diễn ra vào tháng 6/2024. Kết quả này cho thấy nỗ lực và quyết tâm của các nước thành viên IPEF trong việc triển khai hành động nhằm cụ thể hóa các lợi ích từ Khuôn khổ IPEF.

Về thủ tục, sau khi ký kết các Thỏa thuận, 14 nước thành viên IPEF sẽ triển khai các thủ tục nội bộ cần thiết để các thỏa thuận này có thể chính thức được triển khai.

Bên cạnh đó, Diễn đàn Đầu tư Kinh tế sạch – một sáng kiến quan trọng trong Thỏa thuận Kinh tế Sạch IPEF đã được tổ chức lần đầu tiên với sự

tham gia của các nhà phát triển dự án, nhà hoạch định chính sách, các tổ chức tài chính và các nhà đầu tư hàng đầu trong khu vực... nhằm thảo luận, huy động đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng bền vững, công nghệ khí hậu và năng lượng tái tạo tại các nền kinh tế IPEF. Diễn đàn đã xác định tổng cộng 69 dự án cơ sở hạ tầng bền vững với cơ hội đầu tư hơn 23 tỷ USD. Trong số đó, 20 dự án sẵn sàng cho việc đầu tư (trị giá khoảng 6 tỷ USD) đã được giới thiệu tới các nhà đầu tư tại các phiên kết nối kinh doanh. Các dự án còn lại với trị giá khoảng 17 tỷ USD cũng được xác định là các dự án đầu tư tiềm năng trong tương lai...

Có thể thấy, mặc dù chưa chính thức được triển khai, các Thỏa thuận trong Khuôn khổ IPEF đã đem đến những tác động tích cực bước đầu (đặc biệt là trong lĩnh vực Kinh tế sạch). Việc thực thi các Thỏa thuận IPEF trong tương lai sẽ là cơ sở để các nước thành viên tăng cường hợp tác hiệu quả trong nhiều vấn đề quan trọng như thiết lập chuỗi cung ứng khu vực bền vững, thúc đẩy chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, cũng như xây dựng nền kinh tế công bằng, minh bạch...

Hiện tại, các nước thành viên IPEF vẫn đang trong quá trình thảo luận Trụ cột cuối cùng về thương mại với các cấu phần quan trọng như kinh tế số, nông nghiệp, thuận lợi hóa thương mại, hợp tác thương mại. ■

Doanh nghiệp có thể tham khảo thêm thông tin về IPEF trên website của Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI theo đường dẫn sau:

https://trungtamwto.vn/chu_de_khac/477-khuon-kho-kinh-te-ipef/1

(Website www.trungtamwto.vn (tiếng Việt) và www.wtocommerce.vn (tiếng Anh) >> Chủ đề khác >> Khuôn khổ kinh tế IPEF)



Gia tăng sức hút khối BRICS

BRICS là một khối hợp tác tập hợp các nền kinh tế đang phát triển hàng đầu thế giới gồm Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi (BRICS là từ ghép chữ cái đầu trong tên của 05 nước này). Thời gian gần đây, đặc biệt là sau khi chiến sự Ukraine nổ ra và việc sắp xếp lại các cực kinh tế thế giới đang trở thành xu hướng, BRICS đang tỏ ra có sức hút đặc biệt với các nước đang phát triển.

Đầu năm 2024, BRICS đã chứng kiến sự mở rộng mạnh mẽ về quy mô khi chính thức kết nạp thêm 5 thành viên mới, gồm Ai Cập, Ethio-

pia, Iran, Ả-rập Xê-út và các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE). Với 10 thành viên hiện tại, BRICS có quy mô dân số khoảng 3,6 tỷ người (chiếm 45,3% dân số toàn thế giới), đồng thời chiếm 27% tổng GDP và 20,6% thương mại toàn cầu (Số liệu năm 2023 của World Bank và ITC Trademap).

Không dừng lại ở đó, khối BRICS vẫn tiếp tục cho thấy sức hút của mình khi liên tiếp nhận được sự quan tâm, cũng như lời đề nghị chính thức về việc gia nhập nhóm này. Chỉ trong nửa đầu năm 2024, đã có nhiều quốc

gia (Zimbabwe, Colombia, Venezuela, Senegal, Cuba, Kazakhstan, Belarus, Bahrain và Pakistan...) chính thức nộp đơn đăng ký gia nhập BRICS. Tại khu vực Đông Nam Á, Malaysia và Thái Lan cũng đã đưa ra đề nghị chính thức và sẽ sớm triển khai các thủ tục cần thiết để gia nhập nhóm này.

Việc mở rộng thêm các thành viên mới không chỉ giúp BRICS ngày càng trở nên lớn mạnh, hoạt động hiệu quả hơn mà còn giúp các nước trong nhóm thúc đẩy hợp tác kinh tế, tăng cơ hội tiếp cận thị trường mới, đặc biệt là khi khối BRICS tập hợp nhiều quốc gia có tiềm lực kinh tế lớn, có vai trò chủ chốt trong xuất khẩu dầu mỏ và/hoặc có vị trí chiến lược quan trọng.

Hiện tại khối BRICS đang xem xét việc thiết lập một đồng tiền thanh toán chung để giao dịch nội khối với nhiều lý do khác nhau, trong đó có lý do giảm sự phụ thuộc và loại bỏ tác động tiêu cực bởi sự tăng giá của đồng USD.

Có thể thấy, với số lượng thành viên ngày càng tăng cùng với nỗ lực nâng cao vị thế của khối, BRICS được đang chứng tỏ được sức mạnh và tiềm năng phát triển của nhóm trong thời gian sắp tới. ■







THUẾ BIÊN GIỚI CARBON

THÁCH THỨC ĐỐI VỚI XUẤT KHẨU VIỆT NAM



Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (Carbon Border Adjustment Mechanism - CBAM), thường được biết đến với tên gọi “Thuế biên giới carbon”, là chính sách áp đặt các khoản phí đối với hàng hóa nhập khẩu căn cứ vào khối lượng khí nhà kính (mà chủ yếu là carbon) phát thải ra môi trường trong quá trình sản xuất hàng hóa đó. CBAM được xem là một trong các chính sách tiêu biểu cho xu hướng thúc đẩy xuất khẩu xanh, thương mại bền vững và chuyển đổi sản xuất hướng tới mục tiêu trung hòa phát thải khí nhà kính (net-zero) ở nhiều quốc gia.

Liên minh châu Âu (EU) là khu vực đầu tiên trên thế giới áp dụng CBAM, theo lộ trình từng bước từ nay tới 2034. Nhiều thị trường xuất khẩu quan trọng khác của Việt Nam như Anh, Australia, Hoa Kỳ... cũng đang tiến dần tới việc dự thảo và ban hành các quy định CBAM. Để tiếp tục xuất khẩu ổn định và bền vững đi các thị trường này, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần tìm hiểu và sẵn sàng tuân thủ CBAM khi được yêu cầu.

Chuyên đề của Bản tin này giới thiệu về CBAM và tình hình xây dựng/thực thi CBAM trên thế giới, cũng như đưa ra những đánh giá ban đầu về tác động của CBAM tới xuất khẩu của Việt Nam.



CBAM – Tại sao?

Hạn chế phát thải khí nhà kính trong quá trình sản xuất hàng hóa nhằm giảm thiểu tình trạng biến đổi khí hậu là mục tiêu của nhiều Chính phủ trên thế giới hiện nay, đặc biệt là ở các nước phát triển. Một trong những giải pháp quan trọng được Chính phủ của một số nền kinh tế phát triển triển khai là áp đặt các yêu cầu hạn chế phát thải khí nhà kính đối với quá trình sản xuất tại các nước này. Các yêu cầu này đòi hỏi doanh nghiệp nội địa của họ phải bỏ ra các chi phí đáng kể để tuân thủ (như thay đổi công nghệ, dây chuyền sản xuất sạch hoặc phải mua bán chứng chỉ carbon để đổi lấy quyền phát thải...).

Để tránh các chi phí tăng thêm này, một số doanh nghiệp ở các nước này đã chuyển sản xuất ra nước ngoài, nơi không có các yêu cầu hạn chế phát thải tương tự, sau đó lại nhập khẩu sản phẩm ngược về nội địa. Đây là hiện tượng “rò rỉ carbon” xảy ra khá thường xuyên trong khoảng một thập kỷ trở lại đây.

Đối với các doanh nghiệp vẫn duy trì sản xuất, các chi phí tăng thêm để tuân thủ các yêu cầu hạn chế phát thải này khiến chi phí và giá thành sản phẩm tăng lên đáng kể, dẫn tới các bất lợi trong cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu cùng loại không phải chịu chi phí tương tự ở nước xuất khẩu.

Hơn nữa, từ góc độ hiệu quả, biến đổi khí hậu là vấn đề toàn cầu, nếu việc giảm phát thải chỉ thực hiện ở một số khu vực trong khi các khu vực khác vẫn tiếp tục phát thải thì hiệu quả chung là không đạt được.

Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (Carbon Border Adjustment Mechanism - CBAM), hay còn gọi là Thuế biên giới carbon, với tính chất là khoản phí áp đặt đối với hàng hóa nhập khẩu dựa trên lượng khí nhà kính (mà chủ yếu là carbon) phát thải trong quá trình sản xuất tại nước xuất khẩu mà chưa được bù trừ (lượng phát thải ròng), được xem là công cụ để các nước này cùng lúc xử lý cả ba vấn đề nói trên.

Về phạm vi áp dụng, CBAM (giai đoạn đầu) thường nhắm vào các sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài mà quá trình sản xuất phát thải nhiều carbon như thép, nhôm, xi măng, phân bón, nhựa, hóa chất... Tuy nhiên, các nước đang triển khai/xây dựng CBAM đều có định hướng sẽ cân nhắc mở rộng phạm vi áp dụng sang một số sản phẩm có nguy cơ ô nhiễm cao khác hoặc cho tất cả sản phẩm nhập khẩu.

Về mặt nguyên tắc, các nhà nhập khẩu sẽ là chủ thể phải nộp loại thuế này khi nhập khẩu các lô hàng liên quan. Tất nhiên, chi phí đó sẽ được chuyển lại cho nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài. Với mỗi nhà sản xuất, xuất khẩu, quá trình sản xuất ra sản phẩm càng xanh hóa, càng phát thải ít khí nhà kính thì thuế càng thấp; nếu đạt được trung hòa carbon – lượng khí nhà kính phát thải được bù trừ để bằng 0 (thông qua quá trình sản xuất tự thân hoặc thông qua việc mua bán tín chỉ carbon từ các chủ thể khác) thì sẽ không phải chịu thuế biên giới carbon. Bằng cách này, các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài bắt buộc phải nỗ lực đầu tư và thực hiện xanh hóa quá trình sản xuất các sản phẩm để giảm/loại bỏ gánh nặng thuế này, từ đó góp phần vào việc giảm phát thải khí nhà kính ở nước xuất khẩu và trên toàn cầu. Đây cũng chính là mục tiêu cuối cùng của thuế biên giới carbon.





Tình hình xây dựng và thực thi CBAM tại một số khu vực trên thế giới



Trên thế giới, Liên minh châu Âu (EU) là khu vực khởi xướng ý tưởng và cũng là người đi đầu trong việc soạn thảo, ban hành và áp dụng thuế biên giới carbon trên thế giới. Thuật ngữ “CBAM” cũng xuất phát từ cách gọi loại thuế này của EU. Cho tới nay, thuế biên giới carbon cũng chỉ mới chính thức có hiệu lực ở EU, áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu vào EU từ các nền kinh tế bên ngoài EU.

Tuy nhiên, có lẽ trong thời gian không xa nữa, EU sẽ không còn là ví dụ duy nhất về thuế biên giới carbon. Một số nền kinh tế phát triển khác đã và đang tiến hành thiết lập cơ chế pháp lý cho loại thuế này, dưới tên gọi CBAM hoặc một tên gọi khác tùy từng nước, nhưng bản chất là giống nhau, đều là khoản phí đánh vào các hàng hóa nhập khẩu căn cứ vào lượng phát thải khí nhà kính trong quá trình sản xuất hàng hóa đó.

Thậm chí, việc EU áp dụng CBAM có thể còn thúc đẩy tiến trình xem xét áp dụng CBAM ở nhiều quốc gia khác. Mặt khác, các nước này có hình mẫu thực tế để thiết lập cơ chế của mình. Mặt khác, việc chậm chân trong áp dụng CBAM

và cơ chế thương mại carbon trong nội địa có thể khiến doanh nghiệp của họ bị thiệt thòi khi xuất khẩu hàng hóa liên quan vào EU.

Ở phía khác, các thị trường đang phát triển, vốn là các nước đi sau trong quá trình công nghiệp hóa, lại phần lớn là các nền kinh tế định hướng xuất khẩu, phản đối loại thuế này. Theo các nước này, thuế biên giới carbon là một loại rào cản thị trường không công bằng (do bản thân các nước phát triển trước đây đã phát thải carbon mà không phải chịu chế tài nào) và có thể vi phạm các nguyên tắc của WTO.

Tuy nhiên, dù vấp phải các tranh cãi, dường như thuế carbon đang dần trở thành thực tế mà các doanh nghiệp cần quan tâm theo dõi và tuân thủ, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm có mức phát thải cao và xuất khẩu đi các thị trường phát triển.

Dưới đây là tóm lược về tình hình xây dựng và thực thi CBAM ở một số nước trên thế giới, đây đều là các nền kinh tế phát triển và là thị trường xuất khẩu quan trọng/tiềm năng của Việt Nam.



EU – Dẫn đầu việc thực thi CBAM

Tính đến thời điểm hiện tại, Liên minh châu Âu (EU) là khu vực thương mại đầu tiên và duy nhất trên thế giới đã triển khai áp dụng Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (CBAM).

CBAM là một trong những chính sách xanh nổi bật của EU, theo đó hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào EU sẽ phải trả một khoản phí cho lượng carbon phát thải ròng từ quá trình sản xuất hàng hóa đó tại nước xuất khẩu. CBAM được công bố từ năm 2021, sau đó được luật hóa bằng Quy định 2023/956 về Thiết lập Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (CBAM) – CBAM giai đoạn đầu, ban hành tháng 5/2023.



Về phạm vi áp dụng, trong giai đoạn đầu, CBAM áp dụng cho 06 nhóm hàng hóa có nguy cơ ô nhiễm cao, gồm: sắt thép, xi măng, phân bón, nhôm, điện và hydro.

Về lộ trình áp dụng, CBAM giai đoạn đầu được thiết kế theo lộ trình 03 bước, cụ thể: (i) Bước chuyển tiếp (từ 01/10/2023 đến 31/12/2025): nhà nhập khẩu hàng hóa thuộc diện điều chỉnh sẽ chỉ phải khai báo mức độ phát thải của hàng hóa nhập khẩu mà chưa phải nộp bất kỳ khoản phí nào; (ii) Bước chính thức (từ 01/01/2026 đến 31/12/2033): cùng với nghĩa vụ khai báo, nhà nhập khẩu EU sẽ phải xuất trình chứng chỉ CBAM tương ứng với lượng phát thải ròng của hàng hóa nhập khẩu vượt quá hạn ngạch cho phép; (iii) Bước áp dụng đầy đủ (từ 01/01/2034 trở đi): sẽ không còn hạn ngạch phát thải miễn phí, doanh nghiệp sẽ phải mua và xuất trình chứng chỉ CBAM cho lượng phát thải ròng carbon trong sản phẩm.

Mặc dù CBAM giai đoạn đầu chỉ áp dụng đối với 06 nhóm hàng hóa, dự kiến vào năm 2030, EU sẽ tiến hành đánh giá kết quả thực thi để cân nhắc khả năng mở rộng phạm vi áp dụng CBAM giai đoạn tiếp theo sang một số sản phẩm có nguy cơ ô nhiễm cao khác hoặc cho tất cả sản phẩm.

Như vậy, CBAM EU giai đoạn đầu đã chính thức có hiệu lực từ ngày 01/10/2023. Tuy nhiên, ở bước chuyển tiếp (từ 01/10/2023 đến 31/12/2023), nhà nhập khẩu 06 nhóm hàng hóa thuộc diện điều chỉnh của EU mới chỉ phải thực hiện nghĩa vụ khai báo mức độ phát thải của các hàng hóa này khi nhập khẩu vào EU mà chưa phải nộp bất kỳ khoản thuế, phí nào. Ngày 17/8/2023, EU đã ban hành Quy định 2023/1773 để hướng dẫn chi tiết về cách thức báo cáo/khai báo, cũng như phương pháp tính toán lượng khí thải tích hợp thải ra trong quá trình sản xuất hàng hóa. EU hiện cũng đang tiến hành soạn thảo quy định hướng dẫn cách thức tính toán cụ thể để áp dụng cơ chế mua bán và giá chứng chỉ CBAM để chuẩn bị cho việc triển khai các bước tiếp theo.



Doanh nghiệp có thể tìm hiểu chi tiết về Cơ chế CBAM của EU theo đường dẫn: https://taxation-customs.ec.europa.eu/carbon-border-adjustment-mechanism_en



Vương quốc Anh – Sẽ áp dụng CBAM từ 2027

Cuối năm 2023, sau quá trình rà soát và tham vấn các bên liên quan về các biện pháp giải quyết/giảm thiểu rủi ro rò rỉ carbon (CBAM), chính phủ Anh đã công bố Bản tóm tắt các phản hồi về đề xuất CBAM. Cũng trong văn bản này, Anh tuyên bố sẽ triển khai áp dụng CBAM từ năm 2027.

Giữa tháng 6/2024, Anh hoàn tất việc tham vấn/lấy ý kiến các bên liên quan về các nội dung cụ thể của CBAM (về phạm vi các sản phẩm áp dụng, phương thức tính toán thuế biên giới carbon, lộ trình áp dụng, cách thức quản trị CBAM...).

Theo kế hoạch, CBAM giai đoạn đầu dự kiến áp dụng đối với 07 nhóm hàng hóa có nguy cơ rò rỉ carbon cao nhất, bao gồm: nhôm, xi măng, gốm sứ, phân bón, thủy tinh, hydro và sắt thép. Trong những giai đoạn tiếp theo, phạm vi áp dụng của CBAM có thể tiếp tục được rà soát để mở rộng sang các lĩnh vực có nguy cơ ô nhiễm cao khác.

Nếu cơ chế này được áp dụng, hàng hóa (thuộc diện điều chỉnh) nhập khẩu từ nước ngoài vào Anh sẽ phải nộp một khoản phí (gọi là “CBAM liability” – “mức trách nhiệm CBAM”) cho lượng carbon phát thải ròng trong quá trình sản xuất, tương đương với mức áp dụng đối với sản phẩm được sản xuất tại Anh.

Để xác định lượng phát thải tích hợp trong hàng hóa nhập khẩu, Anh đang đề xuất một phương pháp tiếp cận kép, theo đó nhà nhập khẩu sẽ có hai lựa chọn trong việc xác định lượng phát thải, gồm: (i) sử dụng giá trị mặc định

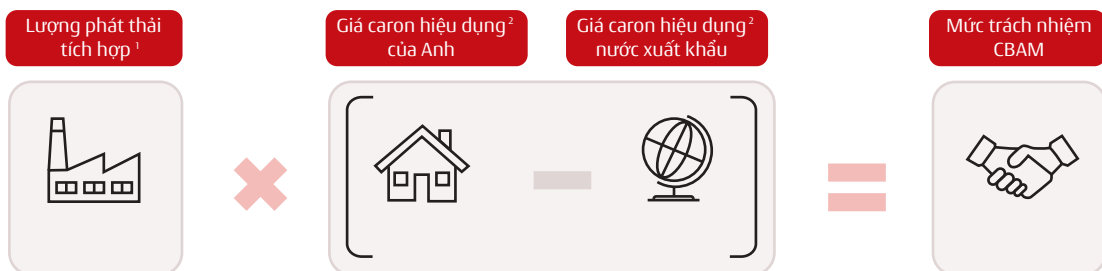
do Cơ quan có thẩm quyền của Anh xác định; (ii) sử dụng dữ liệu về lượng phát thải thực tế trong hàng hóa. Các giá trị phát thải mặc định cho từng loại hàng hóa, cũng như cách thức báo cáo, giám sát và xác minh lượng phát thải thực tế vẫn đang được Anh xem xét xây dựng và sẽ được công bố cụ thể.

Cơ quan Thuế và Hải quan Anh (His Majesty's Revenue & Customs – HMRC) sẽ là cơ quan quản lý và chịu trách nhiệm thu thuế biên giới carbon. Nhà nhập khẩu hàng hóa thuộc diện điều chỉnh sẽ phải đăng ký với HMRC, nộp tờ khai và nộp thuế carbon vào cuối mỗi kỳ kế toán (accounting period). Đáng chú ý, chính phủ Anh cũng đang đề xuất ngưỡng đăng ký tối thiểu (minimum registration threshold), theo đó nhà nhập khẩu hàng hóa thuộc diện điều chỉnh với số lượng nhỏ (tổng giá trị dưới £10.000 một năm) sẽ được miễn đăng ký CBAM và được miễn thuế carbon khi nhập khẩu vào Anh. Việc áp ngưỡng miễn trừ này ước tính sẽ loại trừ khoảng 60% số đăng ký CBAM nhưng vẫn kiểm soát được hơn 95% lượng khí thải đối với hàng hóa thuộc diện điều chỉnh.

Sau khi tham vấn về các nội dung cơ bản của CBAM, Anh sẽ tiếp tục tiến hành các bước tiếp theo để xây dựng các nội dung chi tiết và hoàn thiện cơ chế này.



Doanh nghiệp có thể theo dõi kết quả tham vấn và tiến trình tiếp theo trong chính sách CBAM của Anh tại trang web của Chính phủ Anh (<https://www.gov.uk/>).



- 1 CBAM sẽ áp dụng cho cả lượng phát thải trực tiếp và gián tiếp trong hàng hóa CBAM. Lượng phát thải được đo bằng tấn CO₂ tương đương (tCO₂e)
- 2 Mức giá sau khi đã tính đến hạn ngạch miễn phí hoặc các cơ chế bù trừ khác



Australia – Rà soát nguy cơ và tham vấn chính sách

Tháng 7/2023, trong khuôn khổ cải cách các quy định trọng yếu về khí hậu quốc gia và giảm phát thải, Australia bắt đầu tiến trình Rà soát rủi ro rò rỉ carbon (Australia's carbon leakage review) nhằm ba mục tiêu: (i) đánh giá nguy cơ rò rỉ carbon, (ii) xem xét các lựa chọn chính sách khả thi nhằm giải quyết nguy cơ rò rỉ này và (iii) đánh giá tính khả thi của việc áp dụng cơ chế CBAM Australia, đặc biệt liên quan tới xi măng và thép.

Ngày 13/11/2023, Australia tiến hành Đợt tham vấn/lấy ý kiến vòng 1 cho rà soát này. Đến giữa tháng 6/2024, vòng tham vấn thứ 2 được tiến hành. Báo cáo rà soát dự kiến sẽ hoàn thành vào tháng 9/2024.

Trên cơ sở Báo cáo rà soát, Australia sẽ chốt lựa chọn chính sách và cơ chế CBAM cơ bản, sau đó sẽ đi vào giai đoạn thiết kế chi tiết về cơ chế này và tham vấn với các bên liên quan trước khi triển khai áp dụng.



Doanh nghiệp có thể tìm hiểu chi tiết về Chương trình Rà soát rủi ro rò rỉ carbon của Australia theo đường dẫn:
<https://www.dcceew.gov.au/climate-change/emissions-reduction/review-carbon-leakage>





Canada – Khởi động ý tưởng

Tháng 8/2021, Canada lần đầu tiên tiến hành tham vấn về việc áp dụng cơ chế CBAM tại quốc gia này với các mục tiêu chung như giảm rủi ro rò rỉ carbon, duy trì khả năng cạnh tranh của các ngành sản xuất nội địa, hiện thực hóa các tham vọng về khí hậu, cũng như thúc đẩy các hành động quốc tế về vấn đề này. Việc tham vấn tập trung vào các vấn đề lớn như phạm vi áp dụng, định giá carbon, xác định lượng phát thải tích hợp trong hàng hóa...

Tuy nhiên tính đến thời điểm hiện tại, Canada vẫn chưa công bố kết quả tham vấn, cũng như chưa tiến hành các bước tiếp theo để xây dựng/thiết kế cơ chế này. Vì vậy, có thể nói ở Canada, CBAM mới chỉ là ý tưởng thảo luận mà chưa có gì sâu sắc hơn.





Hoa Kỳ - Dừng đàng giữa nhiều lựa chọn chính sách



Hoa Kỳ cũng là một trong số các quốc gia bày tỏ nhiều sự quan tâm đến việc áp dụng cơ chế CBAM. Mặc dù vậy, chưa có ý tưởng nào được thúc đẩy trở thành một chính sách ràng buộc cụ thể.

Kể từ khi bắt đầu có ý tưởng về thuế biên giới carbon cho tới nay, đã có nhiều đề xuất/dự luật khác nhau được trình lên Quốc hội Hoa Kỳ liên quan đến việc điều chỉnh biên giới carbon.

Ví dụ, đề xuất về Đạo luật phí ô nhiễm môi trường nước ngoài (Foreign Pollution Fee Act - FPFA) được đưa ra vào ngày 02/11/2023, dự kiến áp thuế biên giới carbon đối với nhiều mặt hàng công nghiệp và năng lượng nhập khẩu (như nhôm, sắt thép, xi măng, nhựa, hóa chất, nhiên liệu sinh học, dầu thô, pin...). Theo đề xuất này, mức thuế sẽ được tính toán dựa trên cường độ phát thải của sản phẩm và chỉ áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu mà không áp dụng với hàng hóa sản xuất tại Hoa Kỳ.

Một đề xuất khác cũng rất đáng chú ý là Đạo luật cạnh tranh sạch (Clean Competition Act) được đưa ra vào ngày 06/12/2023. Đề xuất này thiết lập mức thuế carbon đối với cả hàng hóa nội địa và nhập khẩu phát thải nhiều carbon (như sắt thép, nhôm, xi măng, thủy tinh, giấy, nhiên liệu hóa thạch, hóa dầu, phân bón...) nhưng có miễn trừ cho các quốc gia kém phát triển nhất.

Tương tự, đề xuất về Đạo luật lựa chọn thị trường (Market Choice Act) đưa ra vào ngày 07/12/2023 dự kiến đánh thuế đối với lượng khí thải nhà kính phát sinh từ quá trình sản xuất công nghiệp, gồm: sản xuất sắt thép, than, vôi, sản xuất nhôm, kẽm, thủy tinh...

Mặc dù có rất nhiều đề xuất được đưa ra, cho đến nay các nỗ lực lập pháp liên quan đến định giá carbon và điều chỉnh biên giới carbon ở Hoa Kỳ đều chưa được thông qua xuất phát từ những tranh cãi trong bản thân nội bộ Hoa Kỳ liên quan tới các tính toán lợi ích-chi phí và ảnh hưởng của các đề xuất này tới các nhóm lợi ích khác nhau ở nước này.

Gần đây, khi EU bắt đầu triển khai CBAM trên thực tế, vấn đề thuế carbon lại được đẩy lên ở Hoa Kỳ. Ngoài các ý kiến phản đối EU và/hoặc yêu cầu hoãn việc áp dụng hoặc hạn chế phạm vi áp dụng CBAM đối với hàng hóa Hoa Kỳ, không ít ý kiến cho rằng Hoa Kỳ cần đẩy nhanh việc áp dụng CBAM để tạo công bằng cho doanh nghiệp Hoa Kỳ xuất khẩu đi EU và tránh rủi ro lợi ích thuế vượt khỏi tay Chính phủ Hoa Kỳ.



Tổng hợp về tình hình thiết lập thuế biên giới carbon ở một số thị trường xuất khẩu

STT	Khu vực/Quốc gia	Tiến trình xây dựng/thực thi CBAM
1	Liên minh châu Âu (EU)	Bắt đầu thực thi Cơ chế CBAM giai đoạn chuyển tiếp từ 01/10/2023.
2	Anh	Ra thông báo về kế hoạch áp dụng CBAM từ năm 2027. Giữa tháng 6/2024, Anh vừa hoàn tất việc tham vấn công chúng về việc thiết kế các nội dung cơ bản và quản trị CBAM.
3	Australia	Đang tiến hành rà soát rủi ro rò rỉ carbon, đồng thời đánh giá tính khả thi của các lựa chọn chính sách tương ứng (trong đó có cơ chế CBAM). Báo cáo rà soát dự kiến sẽ được hoàn thành vào tháng 9/2024.
4	Canada	Canada tiến hành tham vấn về việc áp dụng cơ chế CBAM từ tháng 8/2021. Hiện chưa có thông tin về các bước đi tiếp theo.
5	Hoa Kỳ	Nhiều dự luật về việc định giá carbon và điều chỉnh biên giới carbon đã được trình lên Quốc hội Hoa Kỳ, nhưng đều chưa được thông qua. Gần nhất, khi EU bắt đầu thực thi CBAM, vấn đề này lại trở thành chủ đề thảo luận nóng ở nhiều diễn đàn chính sách của Hoa Kỳ.





Tác động của CBAM tới xuất khẩu của Việt Nam



Với các mục tiêu khí hậu đầy tham vọng, CBAM là một trong các lựa chọn chính sách được nhiều nền kinh tế phát triển trên thế giới quan tâm, xem xét thảo luận về khả năng áp dụng. Mặc dù tính đến thời điểm hiện tại, mới chỉ có EU và Anh có lộ trình áp dụng CBAM cụ thể, khả năng các quốc gia/khu vực khác xem xét thông qua và triển khai cơ chế này cũng rất đáng kể. Do đó, CBAM đang và sẽ là chính sách có thể ảnh hưởng đáng kể và đặt ra những thách thức không nhỏ cho xuất khẩu của Việt Nam thời gian tới với mức độ tác động lớn nhỏ tùy thuộc vào từng thị trường cũng như cách thức thiết kế chính sách cụ thể của họ.

THÁCH THỨC KHI CBAM EU ĐƯỢC TRIỂN KHAI

Từ ngày 01/10/2023, CBAM EU giai đoạn đầu chính thức có hiệu lực và trong bước chuyển tiếp (từ 01/10/2023 đến 31/12/2025), nhà nhập khẩu 06 nhóm hàng hóa thuộc diện điều chỉnh (gồm sắt thép, xi măng, phân bón, nhôm, điện và hydro) sẽ chỉ phải khai báo mức độ phát thải của hàng hóa mà chưa phải nộp bất kỳ khoản thuế/phí nào. Do vậy, CBAM giai đoạn chuyển tiếp được nhận định chưa

ảnh hưởng quá nhiều đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU.

Tuy nhiên, với yêu cầu về khai báo mức độ phát thải, các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu các sản phẩm liên quan sang thị trường EU cần theo dõi và xây dựng báo cáo lượng phát thải theo đúng quy định. Doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải cung cấp thông tin về cả lượng phát thải trực tiếp (được tạo ra trong quá trình sản xuất) và lượng phát thải gián tiếp (được tạo ra trong quá trình sản xuất điện, sử dụng để sản xuất hàng hóa) tích hợp trong sản phẩm. Thêm vào đó, nghĩa vụ báo cáo được yêu cầu thực hiện thường xuyên mỗi quý (không muộn hơn một tháng sau khi kết thúc quý). Các yêu cầu này đặt ra thách thức về chi phí tuân thủ không hề nhỏ đối với các doanh nghiệp liên quan khi xuất khẩu sang thị trường EU.

Kể từ năm 2026, cùng với nghĩa vụ khai báo, doanh nghiệp sẽ phải trả phí tương ứng cho lượng phát thải khí carbon rỗng trong sản phẩm. Các chi phí tuân thủ CBAM (gồm chi phí theo dõi/báo cáo mức độ phát thải, giá mua chứng chỉ CBAM) sẽ gián tiếp tác động đến giá thành sản phẩm, làm giảm khả năng cạnh tranh về giá của các sản phẩm Việt Nam.

Ở giai đoạn đầu áp dụng CBAM, trong số 06 nhóm hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh, Việt Nam hiện mới chỉ xuất khẩu 04 mặt hàng (nhôm, sắt thép, xi măng và phân bón) vào thị trường EU và kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng này vẫn còn tương đối hạn chế. Theo số liệu năm 2022 của ITC Trademap, kim ngạch 04 nhóm này chỉ chiếm khoảng 6,5% tổng xuất khẩu của Việt Nam sang EU, trong đó phần lớn kim ngạch là sắt thép (chiếm 90%) và nhôm (chiếm 8,6%). Tuy nhiên, với riêng sắt thép và nhôm, kim ngạch xuất khẩu vào EU chiếm hơn 19% tổng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm này của Việt Nam ra thế giới. Do đó, mặc dù CBAM EU giai đoạn đầu chưa ảnh hưởng đáng kể tới xuất khẩu Việt Nam nói chung nhưng lại có tác động mạnh tới xuất khẩu các ngành hàng liên quan (đặc biệt là sắt thép và nhôm).

Không chỉ giới hạn phạm vi áp dụng đối với 06 nhóm hàng hóa, dự kiến vào năm 2030, EU sẽ tiến hành đánh giá kết quả thực thi để cân nhắc mở rộng phạm vi áp dụng CBAM sang một số sản phẩm có nguy cơ ô nhiễm cao khác hoặc cho tất cả sản phẩm. EU vốn được biết đến là đối tác xuất khẩu lớn thứ ba của Việt Nam, do đó khi được áp dụng đầy đủ và với phạm vi rộng, CBAM chắc chắn sẽ là thách thức rất lớn đối với tất cả các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường này.

THÁCH THỨC TỪ CÁC CƠ CHẾ CBAM TRONG TƯƠNG LAI

Tiếp nối EU, Anh đã công bố kế hoạch sẽ áp dụng cơ chế CBAM từ năm 2027, đối với 07 nhóm hàng có nguy cơ rò rỉ carbon cao nhất, gồm: nhôm, xi măng, gốm sứ, phân bón, thủy tinh, hydro và sắt thép (danh mục hàng hóa này có thể thay đổi sau quá trình tham vấn của chính phủ Anh).

Có thể thấy, hàng hóa thuộc diện điều chỉnh của Cơ chế CBAM Anh mở rộng hơn so với CBAM EU. Tuy vậy, trong số 07 nhóm hàng thuộc phạm vi điều chỉnh, Việt Nam cũng mới chỉ xuất khẩu 04 mặt hàng (sắt thép, nhôm, gốm sứ và thủy tinh) sang Anh với kim ngạch tương đối hạn chế. Theo số liệu của ITC Trademap năm 2022, kim ngạch 04 nhóm hàng này chỉ chiếm khoảng 4% tổng xuất khẩu của Việt Nam sang Anh và chiếm 1,5% tổng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm này của Việt Nam ra thế giới. Do vậy, cơ chế CBAM Anh trong giai đoạn đầu thực thi được đánh giá chưa tác động nhiều tới xuất khẩu nói chung của Việt Nam sang thị trường nước này.

Sau khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 01/8/2020, xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang thị trường này ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, từ 694 triệu USD năm 2020 lên đến 2,47 tỷ USD năm 2023 (tăng 3,6 lần) (Số liệu của Tổng cục Thống kê). Với kết quả này, EU hiện là khu vực nhập khẩu sắt thép lớn nhất của Việt Nam, do đó đây là ngành hàng được nhận định sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất khi cơ chế CBAM của EU được thực thi.

Trên thực tế, năng lực cạnh tranh của ngành thép Việt Nam hiện vẫn còn tương đối thấp do phải nhập khẩu phần lớn nguyên liệu sản xuất. Hơn nữa, đa phần các cơ sở sản xuất phôi thép hiện tại có công suất nhỏ, thiết bị lạc hậu, tiêu thụ nhiều năng lượng và tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Do đó, các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu sắt thép của Việt Nam được dự đoán sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc theo dõi/báo cáo lượng phát thải, đồng thời phải đầu tư nhiều chi phí để giảm lượng khí thải carbon trong quá trình sản xuất.

Xuất khẩu nhôm của Việt Nam sang EU cũng có sự tăng trưởng ngoạn mục, từ 52,7 triệu USD năm 2020 lên 260,8 triệu USD năm 2022 (tăng gần gấp 5 lần chỉ sau 3 năm) (Số liệu của ITC Trademap). Nhờ đó, EU hiện là đối tác nhập khẩu nhôm lớn thứ 4 của Việt Nam (chỉ sau Hoa Kỳ, ASEAN, Nhật Bản). Cùng với sắt thép, nhôm là ngành hàng đối mặt với nhiều thách thức khi EU triển khai cơ chế CBAM.

Tuy nhiên, trong những giai đoạn tiếp theo, Anh sẽ tiến hành rà soát kết quả thực thi CBAM để xem xét mở rộng phạm vi áp dụng sang các lĩnh vực có nguy cơ ô nhiễm cao khác. Do đó, không chỉ 04 ngành hàng (sắt thép, gốm sứ, nhôm, thủy tinh), nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang Anh (như máy móc, điện thoại, hàng dệt may, giày dép...) trong tương lai cũng có thể bị ảnh hưởng nếu phạm vi áp dụng của CBAM được mở rộng.

Đáng chú ý, Anh đang thiết kế CBAM không bao gồm giai đoạn chuyển tiếp (tức là giai đoạn chỉ yêu cầu báo cáo mức độ phát thải mà chưa phải nộp bất kỳ khoản thuế/phí nào) như EU. Điều này có nghĩa là từ năm 2027 (khi CBAM Anh có hiệu lực), nhà nhập khẩu các mặt hàng liên quan sẽ ngay lập tức phải thực hiện đồng thời nghĩa vụ khai báo lượng phát thải và nộp thuế carbon cho sản phẩm. Do đó, khi được thực thi, cơ chế CBAM của Anh sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí và hoạt động xuất khẩu các ngành hàng liên quan của Việt Nam sang thị trường nước này.



Tuy nhiên, các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu hàng hóa thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam được dự đoán sẽ không quá “sốc” khi Anh áp dụng cơ chế CBAM, bởi lẽ khi CBAM Anh được thực thi (năm 2027), doanh nghiệp đã thực hiện nghĩa vụ khai báo mức độ phát thải theo CBAM EU được hơn ba năm và mua chứng chỉ CBAM (trả phí carbon) được một năm.

Ngoài EU và Anh, một số quốc gia khác như Australia, Canada, Hoa Kỳ cũng đang xem xét việc xây dựng chính sách tương tự như CBAM để ngăn chặn nguy cơ rò rỉ carbon. Tính đến thời điểm hiện tại, các quốc gia vẫn chưa công bố kế hoạch/quy định cụ thể liên quan đến vấn đề này. Do đó, không dễ để dự đoán chính xác tác động của cơ chế CBAM mà các quốc gia sẽ áp dụng trong tương lai.

Với Canada, khi tham vấn về việc áp dụng CBAM vào năm 2021, nước này chỉ ra rằng CBAM sẽ phù hợp nhất với các sản phẩm được sản xuất bởi các lĩnh vực thương mại phát thải nhiều carbon (EITE). Các lĩnh vực EITE tại Canada được xác định bao gồm dầu khí, khai thác mỏ, xe cơ giới và phụ tùng, hóa chất, kim loại cơ bản và chế tạo, gỗ, giấy và bột giấy, đồ ăn và đồ uống, dầu mỏ và than đá, hàng không vũ trụ, sản phẩm phi kim loại, nhựa và cao su. Trong trường hợp của Australia, nước này đang rà soát/đánh giá tính khả thi của việc triển khai cơ chế CBAM và cũng định hướng áp dụng cơ chế này với các hàng hóa có nguy cơ ô nhiễm cao như sắt thép, nhôm, giấy và bột giấy, xi măng, thủy tinh...

Có thể thấy, theo thiết kế của nhiều nước, CBAM giai đoạn đầu thường tập trung vào các sản phẩm có nguy cơ ô nhiễm cao nhưng cũng được định hướng sẽ mở rộng phạm vi áp dụng sang nhiều lĩnh vực khác (hoặc tất cả các sản phẩm) ở các giai đoạn thực thi tiếp theo. Do vậy, mức độ ảnh hưởng của CBAM sẽ không chỉ giới hạn ở một số sản phẩm nhất định mà sẽ liên tục được mở rộng sang các ngành hàng khác với khối lượng thương mại lớn hơn.

Việc thực thi CBAM tất nhiên sẽ đặt ra thách thức rất lớn về chi phí tuân thủ đối với các doanh nghiệp liên quan. Mặc dù vậy, nhìn theo hướng tích cực, CBAM có thể tạo động lực để thúc đẩy sản xuất xanh, bền vững tại Việt Nam. Các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu của Việt Nam sẽ buộc phải xây dựng các phương án, lộ trình giảm thiểu lượng carbon trong quá trình sản xuất nếu muốn duy trì khả năng cạnh tranh và xuất khẩu bền vững sang các thị trường đối tác. Đây cũng là một bước đi tất yếu nhằm hiện thực hóa mục tiêu đạt phát thải ròng khí nhà kính bằng 0 vào năm 2050 của nước ta.

Khi CBAM Anh được thực thi, sắt thép sẽ là ngành hàng chịu tác động nhiều nhất bởi cơ chế này. Trong 04 hàng hóa CBAM Việt Nam xuất khẩu sang Anh, phần lớn kim ngạch xuất khẩu là sắt thép (chiếm khoảng 88% tổng xuất khẩu các sản phẩm này sang Anh).

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang Anh đã tăng lên nhanh chóng sau khi hai nước thực thi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Vương quốc Anh (UKVFTA) từ năm 2021. Chỉ trong vòng 3 năm, xuất khẩu sắt thép sang Anh đã tăng gần gấp 3, từ 75,8 triệu USD năm 2020 đến 204,9 triệu USD năm 2023. Với kết quả này, sắt thép nằm trong top 10 sản phẩm Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Anh. Do đó, ảnh hưởng của CBAM Anh đến sắt thép cũng được đánh giá là đáng kể nhất.



Một số giải pháp để ứng phó với những thách thức từ CBAM



Trước mắt, chỉ có EU đã thực thi CBAM giai đoạn chuyển tiếp từ 01/10/2023 và đối tượng chịu tác động/điều chỉnh trực tiếp bởi cơ chế này hiện chỉ giới hạn ở 06 ngành hàng.

Do đó, để có thể tiếp tục xuất khẩu bền vững sang thị trường EU, *các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu* sản phẩm liên quan (sắt thép, nhôm, xi măng, phân bón) sang thị trường này được khuyến nghị:

- Nghiên cứu kỹ yêu cầu về khai báo phát thải carbon trong sản phẩm để xây dựng báo cáo lượng phát thải theo đúng quy định của EU (Quy định 2023/1773 ngày 17/8/2023);
- Kiểm soát chặt chẽ lượng phát thải trong toàn bộ quy trình sản xuất, phát triển các hệ thống tính toán lượng phát thải phục vụ cho báo cáo CBAM;
- Theo dõi, cập nhật thường xuyên các quy định hướng dẫn thực thi CBAM EU cho những giai đoạn tiếp theo (ví dụ hướng dẫn về cơ chế mua bán và giá chứng chỉ CBAM...);
- Xây dựng lộ trình và phương án giảm thiểu phát thải carbon trong từng công đoạn của quy trình sản xuất để không vượt quá ngưỡng tiêu chuẩn của EU (tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo, đổi mới công nghệ, áp dụng các phương pháp sản xuất xanh/tuần hoàn...).

Trên bình diện chung, trong bối cảnh đến năm 2027, Anh cũng sẽ bắt đầu triển khai áp dụng cơ chế CBAM, nhiều quốc gia khác (như Australia, Canada, Hoa Kỳ) cũng đang trong quá trình xem xét để xây dựng cơ chế này, doanh nghiệp xuất khẩu không chỉ ở các ngành có rủi ro phát thải cao mà cả các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu khác cũng cần tự chuẩn bị để thích ứng.

Cụ thể, doanh nghiệp trước hết cần theo dõi sát sao tiến trình xây dựng, thực thi CBAM của từng nước, qua đó nắm bắt đầy đủ/chính xác về các yêu cầu, phạm vi áp dụng, lộ trình thực hiện... của các cơ chế này. Cùng với đó, doanh nghiệp được khuyến nghị cần lên kế hoạch chuyển đổi, “xanh hóa” quy trình sản xuất với lộ trình và chi phí phù hợp với năng lực tài chính của doanh nghiệp, qua đó tương thích dần với xu hướng chung ở các thị trường xuất khẩu. Điều này một mặt giúp doanh nghiệp có thể tiết kiệm chi phí trong lâu dài (sau khi quá trình sản xuất đã được “xanh hóa”, với các loại năng lượng sạch, mức tiêu thụ thấp, chi phí xử lý phát thải được giảm thiểu). Mặt khác, đây cũng là cách giúp doanh nghiệp có thể thích nghi nhanh với các thay đổi chính sách của chính Việt Nam trong vấn đề này, đồng thời chỉ cần điều



chính nhỏ để đáp ứng yêu cầu khi CBAM được thực thi ở các thị trường xuất khẩu của doanh nghiệp.

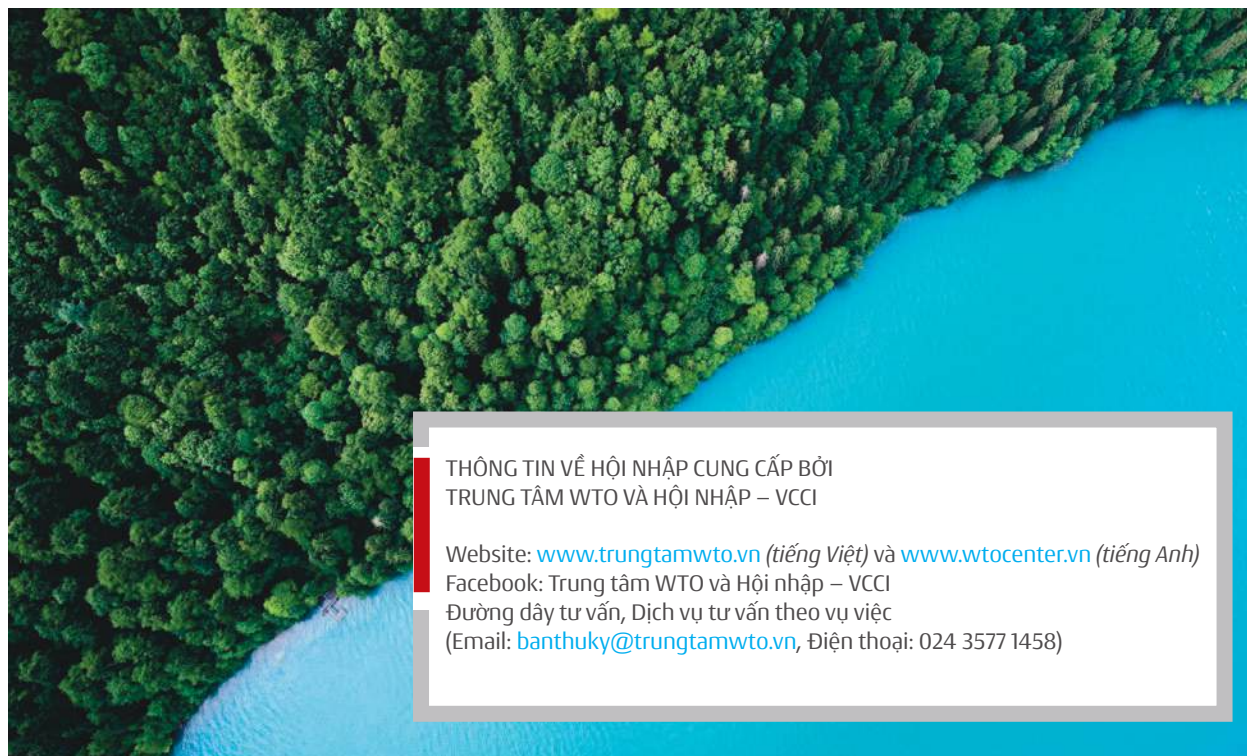
Từ góc độ các *cơ quan Nhà nước, hiệp hội, tổ chức* có chức năng quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp về xuất nhập khẩu, sự tham gia tích cực của các đơn vị này trong hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu ở bình diện vĩ mô chắc chắn sẽ mang lại hiệu quả chung đáng kể giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực thực thi cơ chế CBAM, đặc biệt là các hỗ trợ liên quan tới:

- Cung cấp thông tin cập nhật, chính xác về tiến trình thực thi và xây dựng cơ chế CBAM của các nước, qua đó giúp doanh nghiệp tìm hiểu/tiếp cận cơ chế này từ sớm để xây dựng kế hoạch/lộ trình giảm phát thải phù hợp;
- Thiết lập đầu mối tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp khi gặp khó khăn/vướng mắc trong việc đáp ứng các quy định liên quan (hiện tại là yêu cầu về tính toán, khai báo mức độ phát thải theo CBAM EU);
- Tích cực trao đổi, làm việc, tham vấn với các cơ quan chịu trách nhiệm xây dựng/ thực thi CBAM của các nước để: (i) làm rõ về yêu cầu kỹ thuật, các cách thức cụ thể thực hiện/áp dụng CBAM; (ii) chia sẻ về

hiện trạng, các khác biệt về chính sách, tình hình thực tiễn tại Việt Nam, từ đó tìm giải pháp chính sách thích hợp; (iii) tìm kiếm hỗ trợ kỹ thuật từ các quốc gia triển khai cơ chế CBAM (EU, Anh...);

- Thúc đẩy phát triển thị trường carbon trong nước, thiết kế các công cụ định giá carbon (cơ chế tín chỉ, hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải, thuế carbon), qua đó định hướng, thúc đẩy các doanh nghiệp giảm phát thải carbon một cách hiệu quả, hỗ trợ hiệu quả vào việc thực thi cơ chế CBAM.

Tóm lại, ngày càng nhiều các quốc gia trên thế giới bày tỏ sự quan tâm và/hoặc đã bắt đầu triển khai cơ chế CBAM như một phần chính sách tất yếu nhằm ứng phó với tình trạng rò rỉ carbon và biến đổi khí hậu. Khi được triển khai, CBAM được dự đoán sẽ ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động xuất khẩu các ngành hàng liên quan sang nhiều thị trường (hiện tại là EU, sắp tới có thể là Anh, Australia, Canada...). Để chuẩn bị tốt cho tương lai này, doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước cần nỗ lực hành động chung để thích ứng và tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của cơ chế này, qua đó xuất khẩu bền vững sang các thị trường liên quan. ■



THÔNG TIN VỀ HỘI NHẬP CUNG CẤP BỞI
TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP – VCCI

Website: www.trungtamwto.vn (tiếng Việt) và www.wtocomer.vn (tiếng Anh)

Facebook: Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI

Đường dây tư vấn, Dịch vụ tư vấn theo vụ việc

(Email: banhuky@trungtamwto.vn, Điện thoại: 024 3577 1458)

Giấy phép xuất bản số: 54/GP-XBBT, ngày 06/11/2023
Chịu trách nhiệm xuất bản: TS. Nguyễn Thị Thu Trang
In tại Công ty TNHH In và Thương mại Trần Gia
Thiết kế đồ họa: thaidung85@gmail.com



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 35771458
Email: banthuky@trungtamwto.vn
Facebook.com/trungtamwtovahoinhap

www.trungtamwto.vn

www.chongbanphagia.vn

www.aecvcci.vn